

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN  
Số 8, Tỉnh lộ 827, Phường 7, TP Tân An, Tỉnh Long An  
[www.tapuco.com.vn](http://www.tapuco.com.vn)



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**2020**

# MỤC LỤC



1 THÔNG TIN CHUNG

2 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

3 BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

4 BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

5 QUẢN TRỊ CÔNG TY

6 BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

# THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro







## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

**Tên Công ty** Công ty Cổ phần Đô thị Tân An

**Tên giao dịch** TAP

**Tên viết tắt** TAP

**Tên Tiếng Anh** TAN AN PUBLIC SERVICES JOINT - STOCK COMPANY

**Mã cổ phiếu** TAP

**Vốn điều lệ** 14.167.000.000 đồng

**Trụ sở chính** Số 8, Tỉnh lộ 827, Phường 7, TP. Tân An, Tỉnh Long An

**Điện thoại** (0272) 3826 127

**Fax** (0272) 3838 900

**Email** congtrinhdothitanan@yahoo.com.vn

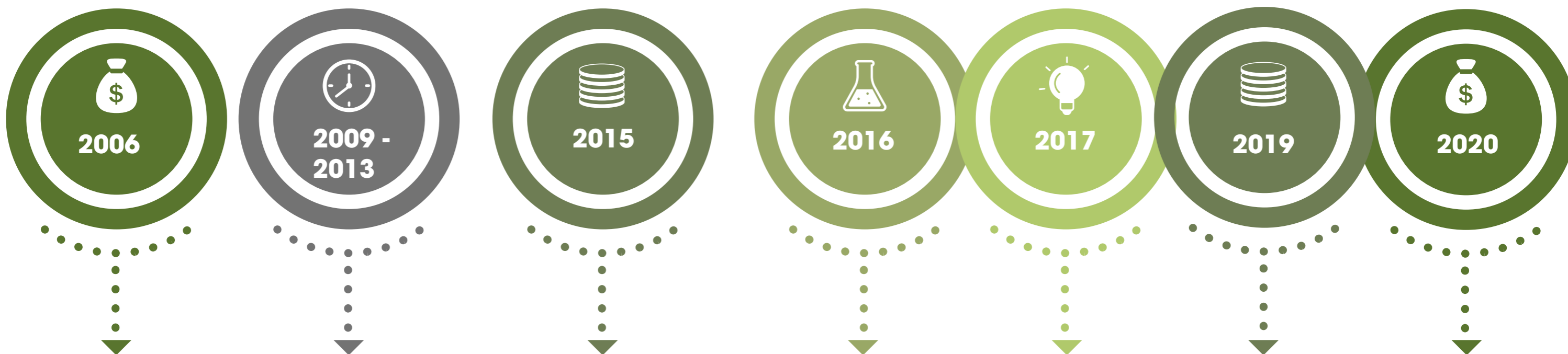
**Website** www.tapuco.com

**Giấy CNĐKDN số** 1100209487 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An đăng ký lần đầu ngày 03/11/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 30/11/2020.





## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Ngày 27/11/2006: Công ty Công trình Đô thị Tân An được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Tân An theo quyết định số 2875/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Tỉnh Long An với số vốn điều lệ hoạt động là 14.167.000.000 đồng (mười bốn tỷ một trăm sáu mươi bảy triệu đồng).

Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Tân An được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đô thị Tân An theo quyết định số 513/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An về việc phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Tân An thành công ty cổ phần. Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1100209487 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 11 năm 2009 thay đổi lần thứ 04 ngày 25 tháng 3 năm 2015 với số vốn điều lệ không đổi 14.167.000.000 đồng (Mười bốn tỷ một trăm sáu mươi bảy triệu đồng).

Công ty chính thức trở thành Công ty đại chúng (thông qua văn bản số 7660/UBCK-QLPH ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước). Tính đến năm 2015, Công ty đã đầu tư mua sắm 03 xe ép rác, 01 xe tải ben, mở cửa hàng kinh doanh hoa kiểng, xây dựng vườn ươm cây, nhà hội trường, sửa chữa nhà để xe. Ngoài các hạng mục trên Công ty còn đầu tư mua sắm các thiết bị văn phòng, xe rác đẩy tay,... và trang trí đường phố phục vụ các sự kiện quan trọng và các ngày lễ tết.

- Ngày 30/08/2016: Công ty vẫn duy trì tốt các hoạt động kinh doanh đã đăng ký, đồng thời từ tháng 4/2017 được UBND Thành phố Tân An giao công tác thu giá dịch vụ thu gom rác thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố, là yếu tố thúc đẩy doanh thu của Công ty trong tương lai.
- Ngày 07/09/2016: Hơn 1,41 triệu cổ phiếu TAP của CTCP Đô thị Tân An chính thức giao dịch trên thị trường UPCOM.
- Ngày 26/10/2016: Công ty thành lập Cửa hàng kinh doanh xăng dầu Công ty Cổ phần Đô thị Tân An.

Công ty vẫn duy trì tốt các hoạt động kinh doanh đã đăng ký, đồng thời từ tháng 4/2017 được UBND Thành phố Tân An giao công tác thu giá dịch vụ thu gom rác thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố, là yếu tố thúc đẩy doanh thu của Công ty trong tương lai.

Căn cứ theo Quyết định 1232/ QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017-2020. Thực hiện theo chủ trương đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Long An đang tiến hành thủ tục thoái vốn tại TAP, tỷ lệ 60% vốn điều lệ tương ứng với 850.020 cổ phần.

Ngày 19/05/2020, Ủy Ban Nhân dân tỉnh Long An ban hành Công văn số 2844/UBND-KTTC về việc tạm dừng thoái vốn 5 công ty cổ phần trong đó có Công ty Cổ phần Đô thị Tân An.



## NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

### I. Hoạt động dịch vụ

- » Thực hiện công tác quét dọn vệ sinh công cộng, thu gom, vận chuyển và xử lý rác sinh hoạt ....
- » Quản lý hệ thống thoát nước đô thị, nghĩa địa.
- » Quản lý và thi công xây dựng công viên, cây xanh.
- » Quản lý và thi công hệ thống đèn chiếu sáng công cộng.
- » Xây lắp dân dụng và xây dựng cơ sở hạ tầng.
- » Kinh doanh hoa kiểng và cây xanh các loại.
- » Chăm sóc cây cảnh, sân vườn.
- » Sửa chữa xe chuyên dùng.
- » Kinh doanh xăng dầu.

### II. Thi công xây lắp

- » Trồng cây xanh, cỏ công viên và đường phố.
- » Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng.
- » Hệ thống thoát nước đô thị.
- » San lấp dân dụng và xây dựng cơ sở hạ tầng.

### Địa bàn kinh doanh

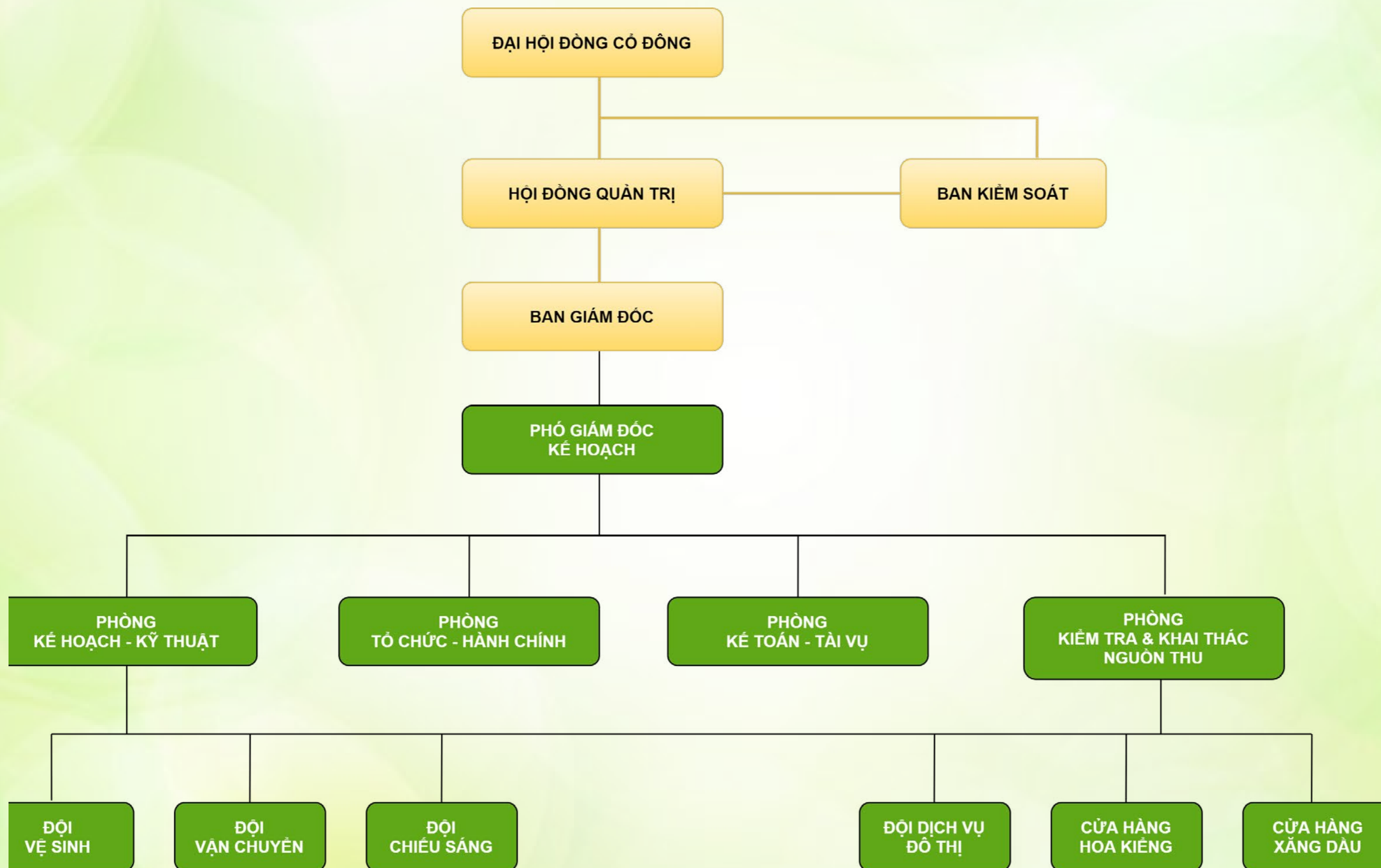
Thành phố Tân An và các huyện lân cận trực thuộc Tỉnh Long An.







## MÔ HÌNH QUẢN TRỊ





## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### Các mục tiêu phát triển bền vững

- » Xây dựng và duy trì vẻ mỹ quan đô thị của tỉnh Long An, từng bước mở rộng địa bàn hoạt động kinh doanh đến các huyện và các tỉnh lân cận.
- » Xây dựng những chương trình đào tạo, nâng cao kỹ năng cho cán bộ, viên chức trong công ty.
- » Tích cực tổ chức và tham gia các hoạt động tình nguyện, hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa”,... để góp phần giúp đỡ và cải thiện đời sống người dân địa phương.
- » Nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động, mang lại lợi ích tối đa cho các cổ đông.

### Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- » Sắp xếp và tinh giản bộ máy tổ chức của Công ty theo hướng chuyên môn hóa, để nâng cao hiệu quả hoạt động. Bên cạnh đó, Công ty còn chú trọng công tác tìm kiếm nhân lực mới cùng với đào tạo và sắp xếp nhân sự sao cho đạt hiệu quả cao nhất.
- » Tiến hành các hoạt động nghiên cứu thị trường nhằm tìm kiếm những cơ hội kinh doanh mới và thu hút nguồn vốn đầu tư vào công ty.
- » Cải thiện và nâng cao cơ sở vật chất kỹ thuật của công ty bằng việc thay mới những trang thiết bị đã lỗi thời, từng bước ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động điều hành, quản lý và cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

### Mục tiêu chủ yếu

- » Đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông đề ra.
- » Luôn nỗ lực cung cấp dịch vụ có chất lượng và nhanh chóng nhằm làm hài lòng khách hàng.
- » Tập trung nguồn lực hỗ trợ thúc đẩy tiến trình đô thị hóa.
- » Trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực dịch vụ công ích tại địa bàn tỉnh Long An.





## CÁC RỦI RO

### Rủi ro kinh tế

Các thông tin về môi trường kinh tế bao giờ cũng là cơ sở, là nguồn gốc của các hoạch định về chiến lược và kế hoạch kinh doanh của công ty. Tạp chí The Economist tháng 8 năm 2020 đã xếp Việt Nam trong top 16 nền kinh tế mới nổi thành công nhất thế giới. Dưới tác động của đại dịch COVID-19, trong khi hầu hết các nền kinh tế rơi vào suy thoái thì nền kinh tế Việt Nam vẫn giữ được mức tăng trưởng dương.

Theo Tổng cục thống kê, GDP 9 tháng đầu năm 2020 tăng 2,12% (quý I tăng 3,68%, quý II tăng 0,39%, quý III tăng 2,62%) đây là mức tăng thấp nhất của 9 tháng trong giai đoạn 2011- 2020. Bên cạnh đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế trong khu vực tỉnh Long An đạt ... % và thu nhập bình quân đầu người tăng ... so với cùng kỳ năm ngoái. Như hầu hết các doanh nghiệp, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đô thị Tân An phần lớn chịu ảnh hưởng bởi các biến động của nền kinh tế. Vì lĩnh vực hoạt động của công ty xoay quanh dịch vụ công ích nên khi nền kinh tế phát triển chính là cơ sở để Chính phủ chi nhiều tiền hơn cho việc xây dựng các khu đô thị và cảnh quan địa phương.

Đối với tỉnh Long An, địa phương vẫn luôn là một trong những tỉnh thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài để mở rộng các khu công nghiệp và khu dân cư. Từ đó, triển vọng cho các doanh nghiệp về dịch vụ công ích có tiềm năng phát triển. Do vậy, Hội đồng quản trị và Ban điều hành vẫn luôn chủ động xem xét các nhân tố vĩ mô, giao nhiệm vụ cho các bộ phận thích hợp để theo dõi diễn biến nền kinh tế để kịp thời đề ra các biện pháp và xây dựng chiến lược phát triển dài hạn nhằm mang lại lợi ích tốt nhất cho Công ty và các cổ đông.

### Rủi ro môi trường

Nền kinh tế phát triển, chất lượng cuộc sống ngày càng đi lên kéo theo hàng loạt các tác động xấu đi kèm như vấn đề ô nhiễm môi trường, rác thải nhựa, biến đổi khí hậu,... Đây là hàng loạt thực trạng mà con người phải đối mặt trong thời gian gần đây, vì vậy để cải thiện tình hình này các doanh nghiệp nói chung và TAP nói riêng cần có những hành động thiết thực trong công tác xử lý chất thải để bảo vệ môi trường.

Ở tỉnh Long An, với vai trò là một doanh nghiệp hoạt động về lĩnh vực dịch vụ công ích, TAP tự tin với hơn 10 năm kinh nghiệm về thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt, quản lý chăm sóc cây xanh, quản lý hệ thống thoát nước đô thị,... công ty luôn mong muốn thực hiện trọn nhiệm vụ của mình để duy trì một môi trường xanh, sạch, đẹp cho thành phố. Bằng cách nhắc nhở nhân viên chú trọng công tác phân loại rác thải tại nguồn nhằm mục đích nâng cao hiệu quả trong công tác xử lý rác thải đến việc luôn cập nhật máy móc trang thiết bị hiện đại để nâng cao chất lượng công việc và tăng diện tích cây xanh để tạo thêm mảng xanh cho môi trường.

Ngoài dịch vụ công ích, TAP còn kinh doanh lĩnh vực xăng dầu, đây cũng là một trong những mặt hàng có rủi ro cháy nổ cao, gây ô nhiễm môi trường nên công ty luôn tuân thủ các quy định liên quan đến tiêu chuẩn đo lường chất lượng, nội quy phòng cháy chữa cháy để hạn chế rủi ro xảy ra. Không chỉ vậy, công ty luôn nhắc nhở nhân viên sử dụng năng lượng, điện, nước một cách hợp lý và khoa học tránh gây lãng phí.

### Rủi ro pháp luật

Pháp luật là một trong những yếu tố chi phối trong suốt quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Với tư cách một công ty cổ phần đại chúng, Công ty hoạt động và chịu sự ảnh hưởng trực tiếp từ các văn bản pháp luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Bảo vệ môi trường,... Đồng thời là doanh nghiệp kinh doanh mặt hàng xăng dầu nên Công ty phải chịu sự ảnh hưởng của chính sách quản lý xăng dầu, đặc biệt là cơ chế điều hành giá.

Hệ thống pháp luật Việt Nam luôn cập nhật bổ sung để phù hợp với điều kiện kinh tế và bảo vệ các nhà đầu tư trong thời kì hội nhập mới. Và mới nhất là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26/11/2019 cùng có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 cũng góp phần tác động lớn đến sự thay đổi trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Do đó đòi hỏi Công ty phải có sự tìm hiểu, nghiên cứu và nhanh chóng chuẩn bị nhằm cập nhật các văn bản pháp lý và điều chỉnh định hướng hoạt động trung và dài hạn của Công ty sao cho phù hợp với pháp luật hiện hành.





## CÁC RỦI RO ĐẶC THÙ



### Lĩnh vực Dịch vụ công ích

Long An là một trong số các tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, là nơi đón đầu xu thế giãn dân của Thành phố Hồ Chí Minh. Hơn nữa, Ban lãnh đạo tỉnh Long An thực hiện các chính sách đẩy mạnh công tác giải phóng mặt bằng tại các địa bàn trọng điểm làm đẩy nhanh tiến độ đầu tư hạ tầng kỹ thuật tại các khu, cụm công nghiệp. Tính đến thời điểm hiện nay, diện tích lấp đầy khu cụm công nghiệp tại tỉnh Long An tăng thêm 122,1 ha so với đầu năm 2020 nên đã thu hút nhiều nhà đầu tư từ các ngành nghề khác nhau, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và đầu tư của tỉnh. Một số khu đô thị mới như khu đô thị Green City Long An, khu đô thị ven sông Vàm Cỏ, khu đô thị La Villa Green City... xuất hiện khiến mật độ dân cư các khu vực trung tâm như thành phố Tân An ngày một tăng lên, từ đó nhu cầu về lĩnh

vực tiện ích công cộng ngày một tăng cao. Đây là cơ hội rất lớn cho sự tăng trưởng của Công ty Cổ phần Đô thị Tân An.

Tiềm năng phát triển là có, tuy nhiên mức giá dịch vụ của Công ty phải tuân theo các quy định về đơn giá sản phẩm dịch vụ công ích do UBND tỉnh Long An ban hành, nên doanh nghiệp không thể chủ động về giá thành dịch vụ của mình. Để hạn chế rủi ro này, Ban lãnh đạo Công ty luôn nỗ lực cố gắng đề ra giải pháp để giá cả của các yếu tố đầu vào hợp lý và hoạch định chiến lược phát triển hàng năm nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.



### Lĩnh vực Xăng dầu

Hiện tại, phần lớn lượng xăng dầu của thị trường Việt Nam đến từ nguồn cung nhập khẩu, do đó các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu ở Việt Nam phụ thuộc lớn vào tình hình xăng dầu trên thế giới. Tình hình dịch bệnh cũng tác động đáng kể đến giá xăng trong nước. Trong năm 2020, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam đã điều chỉnh x lần giá bán xăng dầu, khiến cho hệ thống các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu gặp nhiều khó khăn trong việc duy trì ổn định nguồn cung và giá bán sản phẩm. Gần đây, lĩnh vực kinh doanh xăng dầu của Công ty đang chịu sức ép cạnh tranh từ các doanh nghiệp lớn, nhỏ trong và ngoài địa bàn tỉnh Long An. Vì vậy, công ty đã chuẩn bị kế hoạch trong ngắn hạn, đưa ra các giải pháp cụ thể để tăng mức độ cạnh tranh ngành nhằm duy trì vị thế của công ty.



### Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro đã đề cập ở trên, Công ty còn phải đối mặt với những tình huống mang tính bất khả kháng khác ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty như thiên tai, hỏa hoạn, ô nhiễm môi trường,... Đây là những rủi ro hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh. Chính vì thế, Công ty đã chủ động thực hiện các biện pháp bảo hộ an toàn trong lao động; an toàn về Phòng cháy chữa cháy và mua bảo hiểm tất cả tài sản, con người của Công ty.



# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động trong năm
- Tổ chức nhân sự
- Tình hình tài chính
- Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của CSH
- Báo cáo liên quan đến môi trường và xã hội Công ty







## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG, SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐVT: Triệu đồng

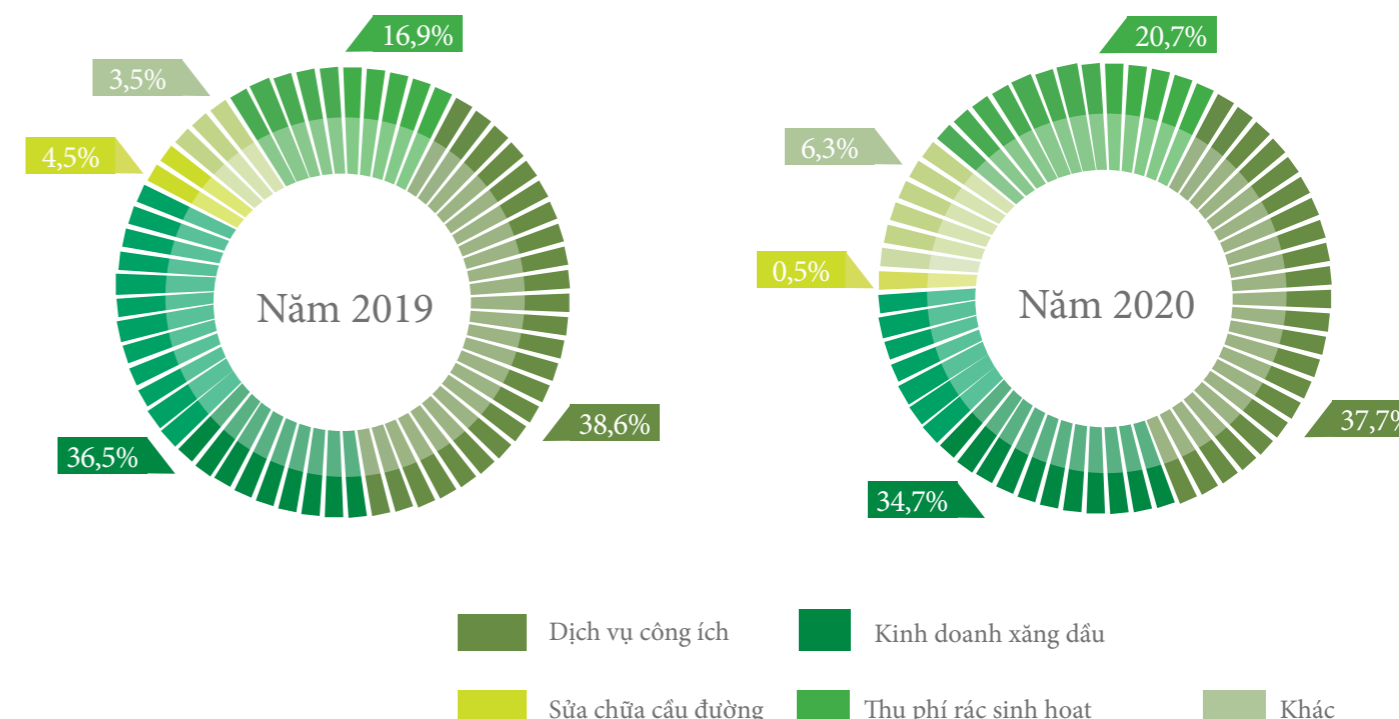
STT	Chỉ tiêu	TH2019	KH2020	TH2020	%TH2020/ TH2019	%TH2020/ KH2020
1	<b>Doanh thu thuần</b>	<b>103.540</b>	<b>104.000</b>	<b>83.984</b>	<b>81,11%</b>	<b>80,75%</b>
2	Lợi nhuận từ HĐKD	5.213	6.000	2.741	52,58%	45,68%
3	Lợi nhuận khác	(31)	-	(4,8)	-	
4	Lợi nhuận trước thuế	5.182	6.000	2.736	52,80%	45,60%
5	Lợi nhuận sau thuế	4.066	5.160	2.340	57,55%	45,35%

### Nhận xét

Doanh thu thuần năm 2020 đạt 83.984 triệu đồng giảm 18,99% so với cùng kỳ năm ngoái. Năm vừa qua, chi phí vật liệu và chi phí nhân viên quản lý doanh nghiệp giảm do số lượng dịch vụ nhận ít đi do bị ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid-19, Doanh thu thuần giảm đáng kể hơn so với các khoản chi phí từ đó gây tác động phần nào đến kết quả lợi nhuận của Công ty. Biên lợi nhuận gộp năm 2019 bị giảm dẫn tới lợi nhuận kế toán sau thuế giảm đáng kể gần 50% đạt giá trị 2.340 triệu đồng. Cụ thể, doanh thu chủ lực chính của Công ty đối với các dịch vụ công ích đơn giá giảm bình quân trên 50% so với định mức quy định, các công trình xây dựng cơ bản, dịch vụ kinh doanh khác tuy có doanh thu nhưng lợi nhuận không cao.

Bên cạnh đó, tháng 5/2020 doanh nghiệp tham gia đấu thầu các gói thầu DVCI đã không trúng thầu 3 gói: Chăm sóc bảo dưỡng cây xanh thảm cỏ; dịch vụ thoát nước hố ga; sửa chữa thường xuyên cầu đường bộ, dẫn đến doanh thu Công ty năm 2020 ước tính giảm trên 20 tỷ đồng. Với tình hình khó khăn trên, Ban giám đốc Công ty đã có những giải pháp phù hợp với thực tế của Công ty, toàn thể NLD đoàn kết thống nhất, đồng thuận cao, phấn đấu thực hiện tốt nhiệm vụ, góp phần hoàn thành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020.

STT	Doanh thu thuần	Năm 2019	Tỷ trọng 2019	Năm 2020	Tỷ trọng 2020	%2020/2019
1	Doanh thu dịch vụ công ích	40.004	38,64%	31.681	37,72%	79,19%
2	Doanh thu kinh doanh xăng dầu	37.831	36,54%	29.148	34,71%	77,05%
3	Doanh thu sửa chữa thường xuyên cầu đường	4.621	4,46%	440	0,52%	9,52%
4	Doanh thu phí rác sinh hoạt	17.481	16,88%	17.422	20,74%	99,66%
5	Khác	3.601	3,48%	5.292	6,30%	146,96%
<b>Tổng cộng</b>		<b>103.540</b>	<b>100,00%</b>	<b>83.983</b>	<b>100,00%</b>	<b>81,11%</b>



Nhìn chung cơ cấu doanh thu thuần của Công ty trong năm 2020 không có nhiều thay đổi so với năm 2019. Cụ thể, tỷ trọng về doanh thu dịch vụ công ích vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu doanh thu. Tuy nhiên tổng doanh thu thuần lại giảm gần 21% so với năm trước, nguyên nhân chủ yếu do sự tác động của dịch bệnh Covid-19 khiến ngân sách cho các lĩnh vực kinh doanh xoay quanh dịch vụ công ích bị cắt giảm. Không chỉ vậy lĩnh vực kinh doanh xăng dầu cũng bị tác động lớn do giá dầu liên tục giảm sâu.

Vì khoản doanh thu đến từ việc thu tiền rác thải sinh hoạt không có sự thay đổi đáng kể nên vẫn giữ nguyên giá trị. Tuy nhiên do nhìn chung doanh thu năm 2020 bị tác động giảm nên về cơ cấu doanh thu rác thải sinh hoạt đã tăng lên từ 16,9% lên 20,7%.

Mảng thi công cầu đường giảm đáng kể sau nhiều năm được chú trọng do sự hạn chế từ ngân sách của Tỉnh. Chỉ chiếm 0,5% so với tổng doanh thu thuần năm 2020.



## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Nguyễn Thị Hồng Vy	Giám đốc kiêm TV HĐQT
2	Nguyễn Minh Nhựt	Phó Giám đốc kiêm TV HĐQT

### Lý lịch thành viên Ban điều hành



#### Bà: Nguyễn Thị Hồng Vy

##### Giám đốc kiêm TV HĐQT

Ngày sinh	1964
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Số cổ phần sở hữu	71.200 cổ phần
Đại diện phần vốn NN	850.020 cổ phần

#### Quá trình công tác

Từ 10/1984 - 09/1989	Kế toán tại Phòng Tài chính Thị xã Tân An - Long An
10/1989 - 12/1989	Kế toán tại Văn phòng UBND thị xã Tân An - Long An
01/1990 - 09/2004	Kế toán tại Công ty Công trình Đô thị Tân An
10/2004 - 09/2006	Kế toán trưởng tại Công ty Công trình Đô thị Tân An
10/2006 - 10/2009	Phó giám đốc tại Công ty Công trình Đô thị Tân An
11/2019 - 10/2015	Phó giám đốc tại Công ty cổ phần Đô thị Tân An
11/2015 - nay	Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT tại Công ty cổ phần Đô thị Tân An



#### Ông: Nguyễn Minh Nhựt

##### Phó Giám đốc kiêm TV HĐQT

Ngày sinh	1977
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Đại học SPKT
Số cổ phần sở hữu	1.200 cổ phần
Đại diện phần vốn NN	0 cổ phần

#### Quá trình công tác

04/2005 - 05/2006	Cán bộ kỹ thuật tại Sở Công nghiệp Tỉnh Long An
06/2006 - 09/2008	Cán bộ kỹ thuật tại Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Tân An
10/2008 - 10/2009	Phó Phòng Kế hoạch kỹ thuật tại Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Tân An
11/2009 - 12/2011	Phó Phòng Kế hoạch kỹ thuật tại Công ty Công trình Đô thị Tân An
01/2012 - 03/2014	Trưởng Phòng Kế hoạch kỹ thuật tại Công ty Công trình Đô thị Tân An
04/2014 - nay	Phó giám đốc kiêm Thành viên HĐQT tại Công ty Cổ phần Đô thị Tân An





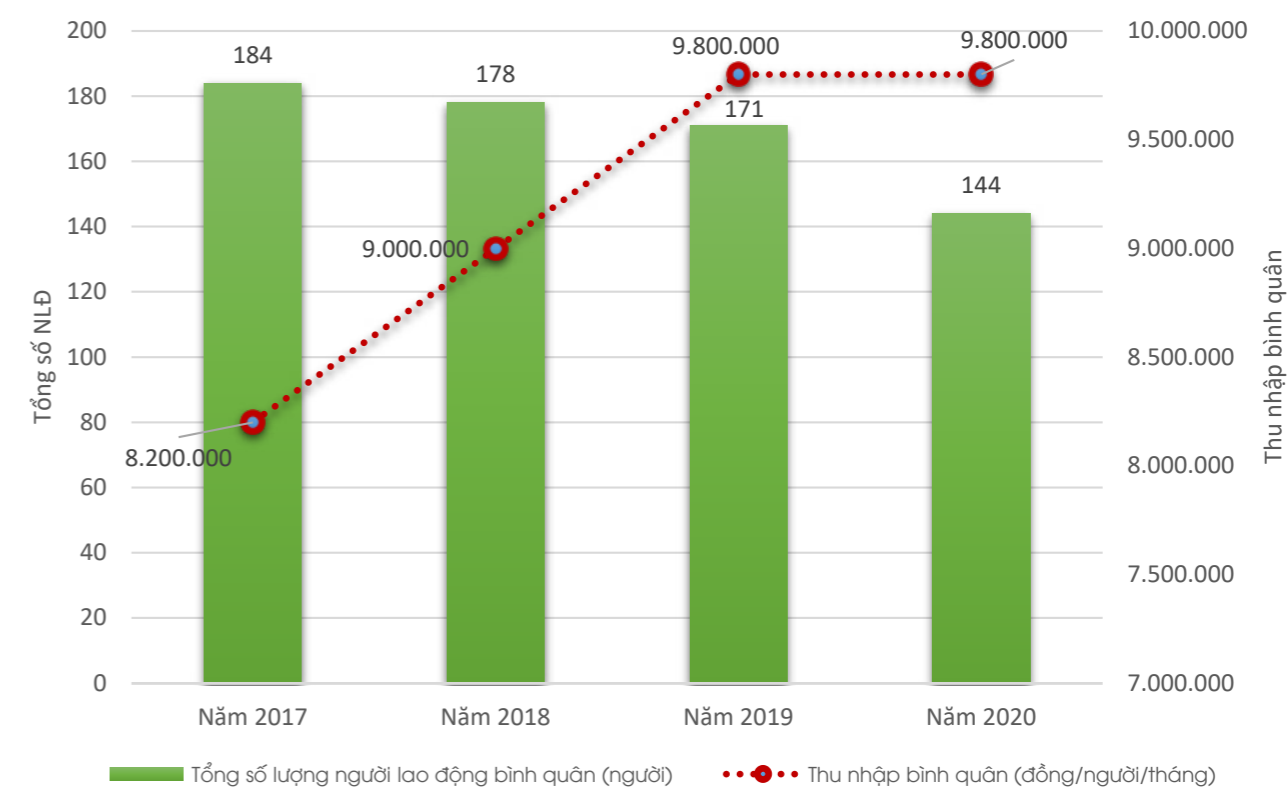
## Số lượng người lao động

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
<b>I Theo trình độ</b>			
1	Trên đại học, Đại học	20	13,9%
2	Công nhân kỹ thuật	18	12,5%
3	Cao đẳng	1	0,7%
4	Trung cấp	1	0,7%
5	Lao động phổ thông	104	72%
<b>II Theo tính chất hợp đồng lao động</b>			
1	Hợp đồng không xác định thời hạn	144	100%
2	Hợp đồng theo thời vụ	-	-
3	Hợp đồng xác định từ 1 - 3 năm	-	-
<b>III Theo giới tính</b>			
1	Nam	104	72%
2	Nữ	40	28%



## Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Tổng số lượng người lao động bình quân (người)	184	178	171	144
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	8.200.000	9.000.000	9.800.000	9.800.000





### Chính sách nhân sự

Được xem là một trong những yếu tố cốt lõi tạo nên sự phát triển của một doanh nghiệp, Chính sách nhân sự của một công ty có tác động rất lớn nên Ban lãnh đạo công ty luôn để tâm và theo dõi để kịp thời điều chỉnh các chính sách tốt nhất cho người lao động yên tâm làm việc. Thực hiện việc tái cơ cấu lại bộ máy tổ chức cho phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế của Doanh nghiệp để đảm bảo tính chuyên nghiệp và hiệu quả.

### Về Đào tạo

Đào tạo và phát triển liên tục: Trong năm 2020, TAP đã thực hiện nhiều chương trình huấn luyện, đào tạo cho cán bộ nhân viên. Các chương trình tập trung vào việc nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực công tác cho Doanh nghiệp và kỹ năng làm việc có trách nhiệm.

Phối hợp các cơ sở đào tạo tổ chức các lớp học huấn luyện kỹ năng cho người lao động, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ thường xuyên:

- An toàn vệ sinh lao động, an toàn vệ sinh khi sử dụng nước và phòng cháy chữa cháy.
- Quản lý hóa đơn và chi phí sản xuất kinh doanh.

### Môi trường công việc và phúc lợi

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Dịch vụ công ích, đa số người lao động sẽ làm việc ở ngoài trời hơn là trong văn phòng làm việc. Hiểu được tính chất công việc làm việc trong môi trường khắc nghiệt phải đối mặt với các yếu tố thời tiết ảnh hưởng như nắng, mưa, gió, bão,... Công ty đã trang bị đầy đủ các vật dụng bảo hộ trong lao động cho người lao động nhằm tạo một môi trường có mức độ an toàn cao nhất cho nhân viên. Đồng thời xây dựng các nguyên tắc an toàn lao động để hạn chế rủi ro trong lao động. Đối với khối nhân viên làm việc tại văn phòng thì Công ty trang bị cơ sở vật chất đầy đủ, văn phòng làm việc thoáng mát.

Nguồn nhân lực được Công ty đặt vào vị trí trung tâm hàng đầu trong mọi hoạt động. Do đó, Công ty luôn không ngừng cải thiện môi trường làm việc và các chính sách lương thưởng, phúc lợi ổn định. Trong năm, Công ty tạo điều kiện cho CB.CNV tham gia các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao và đều đặn tổ chức các chuyến du lịch, tham quan để tăng sự kết nối và tinh thần đoàn kết của tập thể.





## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
<b>I Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
-	Khả năng thanh toán ngắn hạn	lần	2,41	2,83
-	Khả năng thanh toán nhanh	lần	2,17	2,62
<b>II Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
-	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	32,96	26,91
-	Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	49,15	36,82
<b>III Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
-	Vòng quay hàng tồn kho	vòng	23,36	31,22
-	Vòng quay tổng tài sản	vòng	2,66	2,26
<b>IV Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (ROS)	%	3,93	2,79
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	16,49	9,00
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	10,43	6,29
-	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	5,03	3,26



### Khả năng thanh toán

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán đều tăng so với năm 2019. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh tăng từ 2,41 lên 2,83 lần và 2,17 lên 2,62 lần tương ứng. Chỉ số được cải thiện nhờ việc doanh nghiệp giảm 25% nợ ngắn hạn, trong khi đó tài sản ngắn hạn chỉ giảm 17% nhỏ hơn mức độ giảm của nợ ngắn hạn. Nguyên nhân dẫn đến việc nợ ngắn hạn giảm nhiều chính là do công ty đã thực hiện tất toán hết các khoản người mua trả trước và các khoản thuế phí. Qua đó cho thấy Công ty có khả năng trả nợ trong mức đảm bảo, khả năng đáp ứng các khoản nợ của Công ty đang được đánh giá rất tốt. Ngoài sự thay đổi nợ ngắn hạn, sự biến động của chỉ số thanh toán nhanh tăng lên nhờ sự biến đổi của hàng tồn kho, cụ thể năm 2020 hàng tồn kho của công ty giảm đến 40% so với cùng kỳ năm trước. Như vậy, mặc dù tình hình dịch bệnh Covid-19 gây khó khăn nhưng vẫn không gây tác động lớn đến khả năng thanh toán của Công ty.

### Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn phản ánh mối quan hệ của tổng nợ với tổng tài sản và vốn chủ sở hữu. Như đã phân tích ở trên, nợ ngắn hạn giảm mạnh kéo theo sự giảm sút của các chỉ tiêu về cơ cấu vốn. Năm 2020, chỉ tiêu nợ trên tổng tài sản đạt mức 26,91% và nợ trên vốn chủ sở hữu đạt 36,82%. Cơ cấu vốn của TAP giảm so với năm 2019, nguyên nhân đến từ việc khoản nợ ngắn hạn và nợ dài hạn giảm mạnh do công ty trả các khoản chi phí cho người lao động và các khoản thuế cho nhà nước. Mặc dù tổng tài sản của Công ty cũng giảm nhưng chỉ giảm 12,17% nhỏ hơn mức giảm của Nợ công ty do đó nhìn chung chỉ tiêu cơ cấu vốn của doanh nghiệp dịch chuyển theo hướng giảm tỷ trọng nợ phải trả trên tổng tài sản. Vốn chủ sở hữu của Công ty giảm 5,83%, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay có sự chuyển biến xấu giảm hơn 60% do ....Chính vì vậy hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu giảm 20,43%.



### Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Năm 2020 là năm kinh doanh không mấy tốt của Công ty do bị ảnh hưởng từ nhiều yếu tố, trong đó tác động lớn nhất vẫn là tình hình dịch bệnh Covid-19. Hàng loạt các chỉ số về khả năng sinh lợi đều giảm sâu. Mặc dù vậy nhưng so với mặt bằng chung của ngành dịch vụ công ích, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty vẫn ở mức an toàn đối với các doanh nghiệp khác. Nguyên nhân chính dẫn đến việc các chỉ tiêu sinh lợi giảm là do doanh thu hoạt động của TAP năm 2020 bị ảnh hưởng nhiều giảm đến 21,01% so với năm trước. Để cải thiện vấn đề này Ban Lãnh đạo cần có nhiều chính sách kinh doanh hợp lý hơn nữa nhằm tối thiểu chi phí hoạt động và tối đa lợi nhuận cho Công ty.



### Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Trong năm, các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty được cải thiện đáng kể. Vòng quay hàng tồn kho năm 2020 tăng từ 23,62 lên 31,22 vòng, điều này cho thấy trong năm Công ty đã triển khai tốt công tác quản lý hàng tồn kho và chính sách bán hàng hiệu quả giúp lượng hàng dự trữ trong kho bình quân còn khoảng 11,6 ngày. Bên cạnh đó, vòng quay tổng tài sản của công ty giảm từ 2,66 còn 2,26 do doanh thu thuần năm 2020 giảm mạnh so với năm 2019 cho thấy TAP cũng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh khiến ngân sách cho các hoạt động môi trường và công ích của tỉnh Tân An bị cắt giảm.



## TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ

### Thông tin cổ phiếu



1

**Loại cổ phần:** cổ phần phổ thông.

2

**Mệnh giá cổ phần:** 10.000 đồng/ cổ phần.

3

**Số cổ phiếu đã phát hành phần:** 1.416.700 cổ phiếu

4

**Số cổ phiếu đang lưu hành:** 1.416.700 cổ phiếu

5

**Số cổ phiếu quỹ:** 0 cổ phiếu

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
<b>I Cổ đông trong nước</b>				
1	Cổ đông nhà nước	1	8.500.200.000	60%
2	Cá nhân	106	2.613.400.000	18%
3	Tổ chức	02	3.053.400.000	22%
<b>II Cổ đông nước ngoài</b>				
1	Cá nhân	-	-	-
2	Tổ chức	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>109</b>	<b>14.167.000.000</b>	<b>100%</b>



### Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

**Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có.

**Các chứng khoán khác:** Không có.





## BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI



### Đánh giá liên quan đến vấn đề môi trường

**B**an Điều hành của Công ty luôn đưa ra các chủ trương sản xuất, tiêu dùng có trách nhiệm để góp phần bảo vệ môi trường, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu. Để được như vậy, toàn thể công ty nỗ lực biến nhận thức về bảo vệ môi trường thành ý thức tự giác và hành động cụ thể ở từng vị trí sản xuất. Cụ thể:

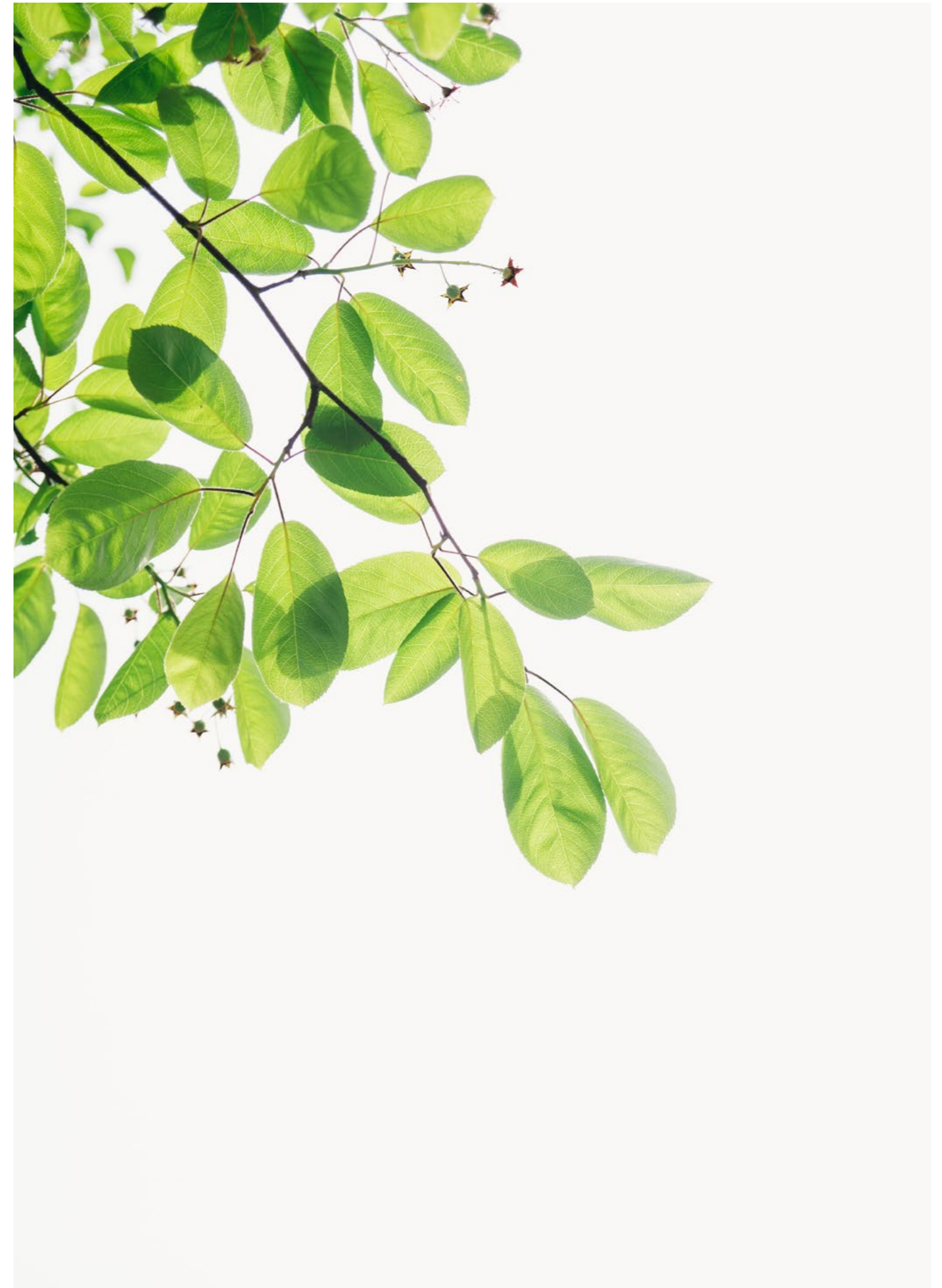
**T**apuco tiến hành tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật trong sản xuất, xử lý nước thải, xả thải nhằm thể hiện trách nhiệm đối với việc giữ gìn môi trường sống cho cộng đồng.



### Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty hiện đang cung cấp một số lượng công việc cho thị trường góp phần đảm bảo việc làm cho người lao động tại địa bàn thành phố Tân An. Bên cạnh đó, Công ty còn tổ chức các hoạt động tình nguyện, các hoạt động xã hội, hoạt động nhân đạo, gây quỹ như xây dựng nhà tình thương, trao học bổng cho các học sinh nghèo hiếu học, quà tặng và hỗ trợ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Các hoạt động cụ thể trong năm 2020 như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Quỹ vì người nghèo	10.000.000
2	Quỹ tấm lòng vàng	4.000.000
3	Quỹ đền ơn đáp nghĩa	4.000.000
4	Ủng hộ lũ lụt miền Trung - Phòng tránh thiên tai - Xâm nhập mặn	53.905.000
5	Ủng hộ Covid	4.350.000



# BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Báo cáo phát triển bền vững







## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	KH 2020	%2020/2019	%2020/KH 2020
1	<b>Doanh thu thuần</b>	<b>103.540</b>	<b>83.984</b>	<b>80.000</b>	<b>81,11%</b>	<b>104,98%</b>
2	Lợi nhuận từ HĐKD	5.213	2.741	4.534	52,58%	60,45%
3	Lợi nhuận khác	(31)	(4,8)	-	-	-
4	Lợi nhuận trước thuế	5.182	2.736	4.534	52,80%	60,34%
5	Lợi nhuận sau thuế	4.066	2.340	3.627	57,55%	64,52%

Hoạt động SXKD năm 2020 nhìn chung gặp nhiều khó khăn và thách thức do sự xuất hiện của đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, trong năm qua, Ban Giám đốc đã nỗ lực làm việc, quyết tâm và đã có những quyết định quản lý linh hoạt, kịp thời để phát triển hoạt động kinh doanh, giữ vững thị phần, đảm bảo ổn định kinh doanh trong điều kiện khó khăn; gia tăng lợi ích cho cán bộ công nhân viên, cổ đông và các bên liên quan. Có thể thấy, Ban Giám đốc đã cơ bản hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 đề ra.

Doanh thu thuần năm 2020 là 83,98 tỷ bằng 81,11% doanh thu thuần năm 2019 và vượt tỷ lệ khoảng 5% so với kế hoạch năm 2020. Nguyên nhân của sự giảm sút doanh thu trên do ảnh hưởng tiêu cực từ dịch bệnh Covid-19 đồng thời do áp lực cạnh tranh của kinh tế thị trường ngày càng quyết liệt, việc tham gia đấu thầu các công trình ngày càng khó khăn do cơ chế chính sách của Nhà nước trong việc tham gia đấu thầu của doanh nghiệp vừa và nhỏ. Ngân sách Thành phố chưa bảo đảm chi cho công tác dịch vụ công ích đô thị, khối lượng dịch vụ công ích thực hiện ngày càng tăng cao, nhưng do chủ trương giảm đơn giá dịch vụ công ích và chi phí hoạt động SXKD tăng khá nhiều đã ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD.

Cảnh quan đô thị thành phố Tân An được bảo đảm xanh - sạch - đẹp góp phần xây dựng Thành phố đạt chuẩn đô thị loại II.



## Những thuận lợi, khó khăn



### THUẬN LỢI

Công ty được sự quan tâm của lãnh đạo UBND Tỉnh, UBND Thành phố và sự hỗ trợ từ các ban ngành liên quan, khối lượng dịch vụ công ích được Thành phố đặt hàng cho Công ty đến tháng 4/2020. Lực lượng cán bộ và toàn thể người lao động đoàn kết, gắn bó giúp hoạt động của Công ty được triển khai dễ dàng.

TAP là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực môi trường hơn 10 năm trước, vì vậy nhận được sự tín nhiệm từ người dân. Đồng thời đội ngũ lao động có kinh nghiệm trong công tác chăm sóc cây xanh và dịch vụ công ích giúp nâng cao chất lượng dịch vụ.



### KHÓ KHĂN

Tình hình SXKD ngày càng nhiều khó khăn và thách thức do ngân sách chi cho lĩnh vực dịch vụ công ích chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của thành phố. Trình độ và năng lực của cán bộ lãnh đạo còn nhiều thiếu sót và hạn chế. Chi phí SXKD ngày càng tăng mặc dù đơn giá thực hiện DVCI không tăng mà còn có xu hướng giảm khiến lợi nhuận bị tác động đáng kể. Đồng thời tháng 5 năm 2020, một số hoạt động DVCI chuyển sang đấu thầu gây mức độ cạnh tranh ngày càng cao.

Ngoài ra việc thiếu bãi đổ rác, điểm tập kết,... và vấn đề ô nhiễm môi trường cũng gây bất lợi cho hoạt động thu gom và xử lý rác của Công ty.



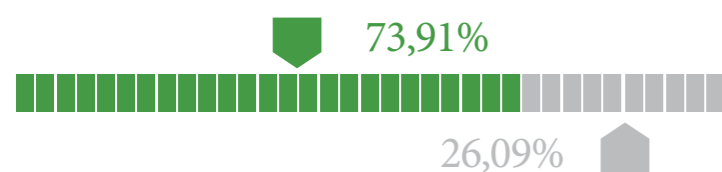
## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

 **Tình hình tài sản**

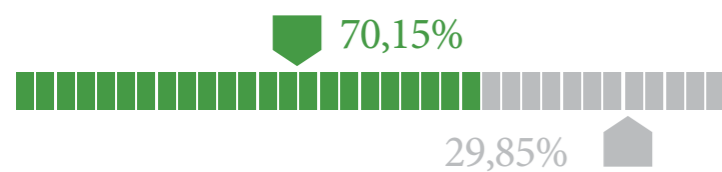
Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		TH 2020/ TH 2019
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
I	Tài sản ngắn hạn	29.149	73,91%	24.499	70,15%	84,05%
II	Tài sản dài hạn	10.289	26,09%	10.427	29,85%	101,34%
<b>Tổng tài sản</b>		<b>39.439</b>	<b>100%</b>	<b>34.926</b>	<b>100%</b>	<b>88,56%</b>

## NĂM 2019



## NĂM 2020



Tài sản dài hạn

Tài sản ngắn hạn

**Tình hình tài sản**

Trong năm 2020, tình hình tài sản của Công ty có sự thay đổi nhỏ trong cơ cấu tài sản. Công ty dần chuyển sang đầu tư vào tài sản dài hạn và giảm bớt tỷ trọng trong mục tài sản ngắn hạn. Tổng tài sản năm 2020 là 34,93 tỷ giảm 12% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù tăng tỷ trọng tài sản dài hạn nhưng Công ty vẫn có tỷ trọng tài sản ngắn hạn cao lên đến 70% trong cơ cấu tổng tài sản. Mặc dù các khoản tiền và tương đương tiền đều năm so với năm trước nhưng do các khoản phải thu ngắn hạn giảm quá nhiều cụ thể phải thu khách hàng giảm đến 46% kéo theo tài sản ngắn hạn giảm đáng kể. Bên cạnh đó Công ty còn đầu tư vào các tài sản dài hạn khác. Từ đó khiến tỷ trọng tài sản dài hạn càng thêm cao.

**Tình hình nợ phải trả**

Đơn vị tính: Triệu đồng

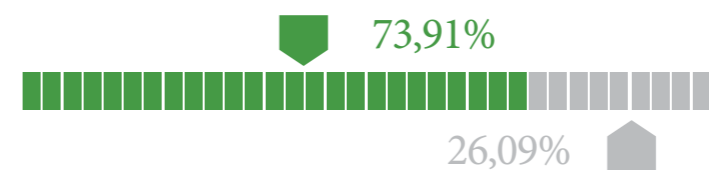
STT	Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		TH 2020/ TH 2019
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
I	Nợ ngắn hạn	12.073	92,89%	8.659	92,14%	71,72%
II	Nợ dài hạn	924	7,11%	739	7,86%	79,98%
<b>Nợ phải trả</b>		<b>12.997</b>	<b>100%</b>	<b>9.398</b>	<b>100%</b>	<b>72,31%</b>

## Nợ phải trả

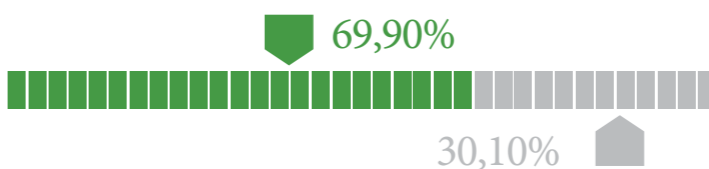


Do tiến hành tất toán các khoản nợ cho người lao động và thuế, phí. Năm 2020 nợ phải trả của Doanh nghiệp giảm gần 27%, tuy nhiên về tỷ trọng giữa nợ ngắn hạn và dài hạn lại không có thay đổi lớn. Trong đó, nợ phải trả ngắn hạn chiếm lên đến 92,14% và còn lại là nợ dài hạn. Vì vậy, những biến động của nợ ngắn hạn sẽ quyết định đến giá trị tổng nợ. Cụ thể, nợ ngắn hạn đạt 8.659 triệu đồng, giảm 28,28% so với năm trước. Trong cơ cấu nợ ngắn hạn, hai khoản mục chiếm tỷ trọng cao bao gồm phải trả người bán ngắn hạn và phải trả người lao động, do năm 2019, Công ty có số công nhân làm việc lâu năm nghỉ việc khá nhiều, Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động với tổng số tiền là 781 triệu đồng nên đến năm 2020 khoản phải trả người lao động giảm đáng kể tác động đến cơ cấu nợ của Công ty.

## NĂM 2019



## NĂM 2020



Nợ ngắn hạn

Nợ dài hạn



## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH



### Công tác quản lý sản xuất kinh doanh

Cùng với sự phát triển của Thành phố và xây dựng Thành phố đạt chuẩn đô thị loại II khiến quá trình đô thị hoá tăng nhanh và số lượng rác thải ngày càng tăng cao ảnh hưởng đến cuộc sống người dân. Năm bắt được vấn đề, Công ty đã thực hiện các công tác quản lý trong sản xuất kinh doanh để đảm bảo đường phố được sạch sẽ. Căn cứ vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2020 và các chỉ số chung của toàn ngành trong năm qua cũng như chỉ số phát triển trong tương lai. Ban lãnh đạo Công ty đã tập trung vào công tác quản lý sản xuất kinh doanh như sau:



- Đầu tư nâng cấp một số máy móc thiết bị chuyên dùng để giảm tiêu hao vật tư nguyên, nhiên liệu và nhân công lao động trực tiếp. Đầu tư mua thêm 1 xe chuyên dụng ép rác loại 10 tấn, 2 xe trung chuyển rác hẻm 1,8 m3, 45 xe đẩy tay và quản lý lực lượng công nhân đồng thời thay đổi phương thức thu gom rác được linh hoạt và phù hợp với tình hình mới.
- Vận hành ổn định, an toàn, hiệu quả các thiết bị máy móc, thiết bị chuyên dùng tất cả các bộ phận. Duy trì thực hiện kế hoạch sửa chữa bảo dưỡng, đăng kiểm, máy, thiết bị một cách hợp lý theo kế hoạch
- Bộ phận kinh doanh chuyên môn nghiệp vụ có nhiều đổi mới cả trong phương thức giao nhận mua bán hàng đến phương thức thanh toán để tránh thất thoát, nợ quá hạn kéo dài.
- Mở rộng thị phần doanh nghiệp, địa bàn kinh doanh của công ty ra huyện lân cận khác. Không chỉ vậy, Công ty còn thực hiện tốt hoạt động kinh doanh trong ngành nghề mới chính là cửa hàng xăng dầu, năm 2020 số lượng xăng bán ra hơn 6.200 lít, đồng thời được khách hàng đánh giá cao và làm tăng hiệu suất hoạt động của Doanh nghiệp.
- Áp dụng khoa học - kỹ thuật trong hoạt động sản xuất kinh doanh cho từng bộ phận, tạo điều kiện cho công tác quản lý, chi phí sản xuất kinh doanh hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm.
- Mở các đợt phát động phong trào thi đua lao động giỏi làm tăng động lực của đội ngũ cán bộ quản lý, công nhân lao động để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm.



### Công tác quản lý tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2019	So với DTT năm 2019	Năm 2020	So với DTT năm 2020
Giá vốn hàng bán	89.828	86,76%	74.290	88,45%
Chi phí tài chính	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	94	0,09%	72	0,08%
Chi phí quản lý DN	8.455	8,17%	6.975	8,31%
<b>Tổng</b>	<b>98.377</b>	<b>95,01%</b>	<b>81.337</b>	<b>96,84%</b>

Có thể thấy công tác quản lý sản xuất kinh doanh được Công ty đầu tư khá kĩ lưỡng. Vì vậy, bên cạnh việc quản lý và kiểm soát tốt các chi phí bán hàng và các chi phí khác khiến hàng loạt các khoản chi phí giảm công ty còn duy trì chính sách tiết kiệm để phần nào làm giảm chi phí hoạt động.

#### Theo thống kê

- » Chi phí giá vốn hàng bán: trong năm 2020, giá vốn hàng bán giảm 17,30% và đạt 88,45% so với doanh thu thuần.
- » Chi phí quản lý doanh nghiệp: năm 2020 chi phí QLDN giảm 17,50% so với cùng kỳ năm trước
- » Kế hoạch phát triển trong tương lai được Ban lãnh đạo thống nhất rõ ràng và chi tiết nhằm đẩy chi phí giá vốn hàng bán giảm xuống như mong muốn.



- Tham gia đóng góp các phong trào các quỹ tương trợ của địa phương và các hoạt động an sinh xã hội. Tập trung nhân lực, phương tiện để hoàn thành tốt việc trang trí đường phố, chợ hoa xuân hàng năm và tổng vệ sinh chào mừng Tết và các ngày lễ trong năm.
- Có kế hoạch sử dụng nguồn vốn đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư của công ty vừa lành mạnh vừa thuận lợi.
- Tổ chức tốt hoạt động hệ thống kế toán theo chuẩn mực quy định, phản ánh đầy đủ, trung thực và đáp ứng yêu cầu các hoạt động kinh doanh của công ty: Ban hành quy trình kiểm kê, luân chuyển chứng từ, hạch toán kế toán đúng niên độ. Thực hiện đầy đủ yêu cầu kiểm toán cuối năm, báo cáo thuế, hàng tồn kho .... đã được đại hội cổ đông chấp thuận thông qua.
- Thực hiện áp dụng và tuân thủ hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001- 2000 và công bố thông tin chính xác kịp thời theo đúng yêu cầu của UB- CKHN đối với các công ty đại chúng.
- Thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, công tác kiểm tra sức khỏe định kỳ cho người lao động, công tác giữ gìn an ninh trật tự, an toàn giao thông, công tác bảo vệ luôn được đưa lên hàng đầu và thường xuyên được kiểm tra, giám sát để đề phòng sự cố xảy ra.





## BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



### Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Năm 2020, với phương châm chất lượng sản phẩm luôn là ưu tiên hàng đầu của Công ty. Nguồn nguyên, vật liệu được công ty chọn lựa theo đúng quy định pháp luật và đảm bảo về số lượng và chất lượng như đã được đề ra. Cụ thể

STT	Nguyên liệu, nhiên liệu	Đơn vị	Số lượng	Mục đích sử dụng
1	Dầu	lit/năm	150.140	Nhiên liệu xe
2	Nhớt	lit/năm	4.266	Bảo trì xe
3	Nước	m <sup>3</sup> /năm	1.990	-

### Tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường

TAP là doanh nghiệp có hoạt động chính liên quan đến môi trường. Vì vậy, một trong các nhiệm vụ lớn nhất của TAP chính là bảo vệ môi trường. Để thực hiện được nhiệm vụ trên Công ty luôn tìm hiểu và tuân thủ nghiêm túc luật pháp và các quy định về môi trường. Trong năm 2020, Công ty không chịu bất cứ lần phạt nào cho việc vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Ngoài ra, Công ty liên tục tổ chức các hoạt động ngoài giờ để bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp như các buổi dọn rác ở nơi công cộng. Thực hiện công tác phối hợp cùng ban lãnh đạo và người dân địa phương tuyên truyền về các hoạt động xanh như phân loại rác tại nguồn, thu gom và xử lý các loại thải sinh hoạt, đồng thời tổ chức các hoạt động giáo dục cho người dân như cách thu gom và xử lý rác đặc biệt như pin, có vật dụng có tác động đến môi trường, hạn chế việc chôn lấp và vứt rác bừa bãi, trực tiếp xuống sông, hồ, kênh, rạch,...

### Tiêu thụ năng lượng

Tiết kiệm năm lượng luôn là vấn đề được quan tâm không chỉ tại Agimexpharm mà tất cả các doanh nghiệp cả nước. Sử dụng năng lượng hợp lý không những tiết kiệm được chi phí sản xuất mà còn góp phần bảo vệ môi trường. TAP là doanh nghiệp có hoạt động trong lĩnh vực quản lý hệ thống chiếu sáng của thành phố Tân An. Để việc tiêu thụ năng lượng đạt hiệu quả, TAP đã thực hiện công tác cải thiện hệ thống chiếu sáng bằng cách thay các bóng điện cũ, có hiệu suất thấp và tốn nhiều năng lượng bằng các loại bóng đèn mới có hiệu suất cao hơn. Không chỉ vậy, TAP còn nâng cấp hệ thống trong việc quản lý thời gian bật, tắt đèn tự động và điều chỉnh mức độ chiếu sáng theo từng mùa trong năm để phù hợp với hệ thống đèn giao thông. Thường xuyên kiểm tra hệ thống chiếu sáng để tiến hành sửa chữa những hư hỏng kịp thời góp phần bảo đảm tính độ chiếu sáng cho thành phố.



### Tiêu thụ nước

Trong năm qua, để sử dụng hiệu quả và tiết kiệm nguồn nước, TAP đã có những hoạt động như tuyên truyền về việc tiết kiệm nước để bảo vệ môi trường cho toàn bộ người lao động. Ban hành các quy định về tiết kiệm và sử dụng hợp lý nước. Trong công tác tưới tiêu cho cây xanh, nhân viên phải tưới đúng lượng nước cần thiết cho cây và tránh lãng phí trong quá trình phun, tưới.

Các năm sắp tới, Công ty tiếp tục sắp xếp kế hoạch hoạt động và sử dụng nước 1 cách khoa học để giảm thiểu việc tiêu hao nước đồng thời thiết kế hệ thống cấp nước hoàn chỉnh, hệ thống xử lý nước đạt chuẩn và tái sử dụng.

### Báo cáo hoạt động địa phương

TAP có trách nhiệm với cộng đồng thông qua việc không ngừng sáng tạo nâng cao chất lượng dịch vụ, năng suất lao động, tối ưu hóa chi phí. Công ty hiện nay đang cung cấp 1 lượng lớn công việc cho địa bàn khu vực thành phố Tân An, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định. Bên cạnh đó, Công ty còn tổ chức các hoạt động về môi trường, thiện nguyện, các hoạt động mang tính nhân đạo, nhân văn như trao quà cho học sinh nghèo vượt khó hay hỗ trợ cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn ở địa phương



## BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (TIẾP THEO)

### Các chính sách liên quan đến người lao động

Chính sách liên quan đến lao động là vấn đề được Công ty cân nhắc và quan tâm nhiều nhất. Vì vậy, ngay từ đầu Công ty đã đưa ra các quy định cụ thể và chặt chẽ cho các chính sách về lao động. Như quy định rõ ràng về thời gian làm việc, điều kiện làm việc, nghỉ phép và cả chế độ thai sản. Việc quản lý nhân sự được Công ty cải cách mạnh mẽ qua từng năm và không theo lối mòn cũ.

Công ty thường xuyên kiểm tra, đôn đốc nhắc nhở các nhân viên thực hiện đầy đủ các biện pháp đảm bảo an toàn lao động tránh xảy ra tai nạn trong lao động. Vì tính chất công việc làm việc ngoài trời và tiếp xúc nhiều với các rủi ro nên Công ty chú trọng vào việc chăm lo sức khỏe cho nhân viên, 100% nhân viên lao động đều được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội đầy đủ. Các chính sách cho người lao động luôn tuân thủ đúng luật, có chế độ bồi dưỡng cho người lao động khi thời gian làm việc vào các ca đêm và tiếp xúc trực tiếp với môi trường. Tổ chức khám sức khỏe định hàng năm cho cán bộ nhân viên.

### Các chính sách cụ thể

Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết: Cán bộ công nhân viên được nghỉ lễ và Tết theo quy định của Bộ Luật Lao động và được hưởng nguyên lương và bảo hiểm xã hội. Những cán bộ công nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, những cán bộ công nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Đối với những cán bộ công nhân viên làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thì được nghỉ phép 14 ngày mỗi năm và được nghỉ phép 16 ngày đối với những cán bộ công nhân viên làm công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc người làm việc ở những nơi có điều kiện sinh sống đặc biệt khắc nghiệt. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc tại Công ty cán bộ công nhân viên lại được cộng thêm 01 ngày phép.



Thời gian làm việc: Bộ phận sản xuất gián tiếp làm việc theo giờ hành chính. Bộ phận sản xuất trực tiếp làm việc theo ca. Khi công ty có nhiều công việc cần xử lý, yêu cầu về tiến độ thì nhân viên có phải có trách nhiệm tăng ca và làm thêm giờ để đảm bảo đúng tiến độ. Bên cạnh đó, công ty sẽ có những quy định để đảm bảo quyền lợi cho nhân viên theo đúng quy định của Nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng.

Chính sách nghỉ ốm, thai sản: Cán bộ công nhân viên Công ty được nghỉ ốm 03 ngày (không liên tục) trong năm và được hưởng nguyên lương và bảo hiểm xã hội. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định, còn được hưởng thêm các tháng lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Điều kiện làm việc: Đối với nhân viên làm việc ở văn phòng được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, thiết bị, Phòng làm việc thông thoáng. Đối với nhân viên lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ cần có trong quá trình hoạt động, ban hành đầy đủ các quy tắc trong an toàn lao động.

# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Về các mặt hoạt động của Công ty
- Về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị







## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2020, trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, hoạt động của Công ty vẫn được triển khai theo kế hoạch tuy nhiên với mức độ tăng trưởng không cao. Nhờ sự tin nhiệm của các cổ đông và người lao động nên trong giai đoạn khó khăn vừa qua Công ty vẫn hoàn thành các chỉ tiêu mà Đại hội đồng của đồng đặt ra. Năm 2020, theo kế hoạch Công ty sẽ tiến hành thoái 100% vốn nhà nước. Tuy nhiên hoạt động này được đình lại do 1 số nguyên nhân khách quan. Với những khó khăn và thách thức mà TAP đang đối mặt càng tạo thêm áp lực cho Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc phải tập trung để đưa ra hướng giải quyết tối ưu nhất nhằm quản lý Công ty hiệu quả hơn.

#### Quan hệ nhà đầu tư

Công tác công bố thông tin về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh đầy đủ và tức thời giúp Nhà đầu tư và cổ đông thuận tiện hơn trong công tác đầu tư.

Ngoài ra Ban điều hành còn công bố các kế hoạch kinh doanh và định hướng trong tương lai giúp nhà đầu tư nắm bắt được tình hình doanh nghiệp một cách đầy đủ nhất.



### Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị luôn ý thức những hoạt động của mình trong việc quản trị và điều hành doanh nghiệp thông qua việc luôn tuân thủ quy định của pháp luật và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng điều lệ của Công ty. Ngoài ra Hội đồng quản trị còn tiến hành cập nhật sửa đổi quy chế cho phù hợp với quy định của pháp luật và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

#### Hoạt động Giám sát

Ngay từ khi bắt đầu nhiệm kỳ, Ban Kiểm soát đã xây dựng và ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Vì vậy các hoạt động của Ban Kiểm soát được xây dựng kế hoạch kiểm tra và giám sát các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty. Cụ thể,

kiểm tra giám sát các hoạt động của Ban điều hành, Ban quản trị có tuân thủ Điều lệ, Nghị định, Nghị quyết liên quan hay không; Kiểm tra hồ sơ sổ sách và các mẫu biểu xem có sai lệch hay không; Kiểm tra giám sát việc thực hiện các kế hoạch kinh doanh của Ban điều hành, kiểm tra tính hợp pháp của các hoạt động kinh doanh.

### Kết quả hoạt động Giám sát

#### Hoạt động đầu tư sản xuất kinh doanh



Qua hoạt động kiểm tra, giám sát Ban điều hành đã thực hiện đúng theo Điều lệ, Nghị quyết, Quyết định. Công tác quản lý, thực hiện kế hoạch sản xuất của Ban Quản trị hợp lý, kịp thời và đúng pháp luật. Ban Giám đốc điều hành hoàn thành các mục tiêu và nhiệm vụ đặt ra trong tình hình kinh tế khó khăn do Covid-19 ảnh hưởng.

Sau công tác giám sát, chỉ đạo trong hoạt động của Ban Giám đốc, Ban kiểm soát cũng kịp thời góp ý các giải pháp để đảm bảo hoàn thành các tiêu chí đặt ra.

#### Tài chính

Về sổ sách, Ban kiểm soát đã kiểm tra và nhận thấy giấy tờ, sổ sách đầy đủ. Các Báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán. Số liệu chính xác, phản ánh đầy đủ và kịp thời. Trong công tác lập hoá đơn, chứng từ được chú trọng, chưa có sai sót gây thất thoát lớn cho Công ty.







## CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

### Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

Lĩnh vực Dịch vụ công ích đô thị là nhiệm vụ then chốt cho bộ mặt của sự phát triển Thành phố. Vì vậy, Công ty sẽ tiếp tục các biện pháp nâng cao chất lượng và quy mô dịch vụ để tạo một môi trường trong lành và sạch sẽ nhất cho người dân.

Công ty đã thực hiện đặt hàng loạt các chỉ tiêu cho năm 2021 để ban điều hành có động lực và áp lực trong việc hoàn thành chỉ tiêu.

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	94.900
2	Tổng tài sản	Triệu đồng	34.600
3	Lợi nhuận từ HĐKD	Triệu đồng	4.771
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	4.771
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	3.817
6	Tỷ lệ cổ tức	%	17,50%

### Biện pháp thực hiện

- Ổn định, tinh giảm tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, xây dựng kế hoạch phương án giao khoán cho các bộ phận trực thuộc, nhằm tăng cường tính chủ động, nâng cao hiệu quả lao động và thu nhập, cải thiện đời sống CBNV - NLĐ.
- Duy trì công tác Sơ, tổng kết định kỳ hàng tháng, quý, năm để đánh giá việc thực hiện và bàn biện pháp hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Xây dựng kế hoạch tài chính, quản lý tốt chi phí và thanh toán nội bộ. Đẩy nhanh thu hồi công nợ, các khoản nợ quá hạn thanh toán.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá sự hài lòng của khách hàng thông qua chiến lược chăm sóc khách hàng để cải tiến sản phẩm, dịch vụ hiện có ngày càng tốt hơn, nhằm nâng cao uy tín của Công ty.
- Xây dựng chiến lược kinh doanh, khai thác mở rộng thị trường, ngành nghề kinh doanh, thường xuyên quảng bá hình ảnh, nâng cao chất lượng, đẩy mạnh công tác marketing, phân tích thị trường, chủ động tìm kiếm thêm nhiều khách hàng mới, đối tác mới.
- Triển khai thực hiện các danh mục dự án dự kiến đầu tư theo kế hoạch trong năm theo thứ tự ưu tiên và khả năng cân đối nguồn vốn.
- Đẩy mạnh nghiên cứu, khuyến khích áp dụng giải pháp mới, cách làm mới, phát huy sáng kiến nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tìm kiếm nguồn nguyên nhiên liệu chất lượng nhưng giá thấp để đảm bảo tính cạnh tranh cho các sản phẩm và dịch vụ của Công ty trong thời gian tới.
- Thường xuyên cải tiến các quy định, quy trình nội bộ của Công ty kịp thời sát với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và phù hợp với quy định mới của Nhà nước.
- Xây dựng và duy trì tốt các mối quan hệ của địa phương để thuận lợi trong quá trình hoạt động kinh doanh cũng như trong việc triển khai các dự án đầu tư mới trong năm.

# 2021



# QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng Quản trị
- Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị (nhiệm kỳ 2020 - 2025)

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Lương Minh Nhật	Chủ tịch HĐQT		18/11/2020
2	Ông Đỗ Tường Y	Chủ tịch HĐQT	18/11/2020	
3	Bà Nguyễn Thị Hồng Vy	Thành viên HĐQT	18/11/2020	
4	Ông Nguyễn Minh Nhật	Thành viên HĐQT	18/11/2020	
5	Ông Đào Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	18/11/2020	
6	Bà Nguyễn Thị Ngọc Trúc	Thành viên HĐQT		18/11/2020
7	Ông Phan Thanh Nhân	Thành viên HĐQT	18/11/2020	

### Các cuộc họp Hội đồng Quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do
1	Ông Lương Minh Nhật	Chủ tịch HĐQT	Không	0%	Chuyển công tác
2	Ông Đỗ Tường Y	Chủ tịch HĐQT	-	-	Cơ cấu mới
3	Ông Nguyễn Minh Nhật	Thành viên HĐQT	20/20	100%	
4	Ông Đào Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	15/20	75%	Đi công tác
5	Bà Nguyễn Thị Hồng Vy	Thành viên HĐQT	20/20	100%	
6	Bà Nguyễn Thị Ngọc Trúc	Thành viên HĐQT	20/20	100%	
7	Ông Phan Thanh Nhân	Thành viên HĐQT	-	-	Cơ cấu mới

### Các Quyết định/ Nghị quyết của Hội đồng Quản trị thông qua

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	07	13/03/2020	Nghị quyết về việc chi trả cổ tức 2019	3/5
02	15	29/05/2020	Nghị quyết tình hình hoạt động SXKD những tháng đầu năm 2020	3/5
03	25	23/09/2020	Quyết định về việc đầu tư mua mới 01 xe ô tô chở rác 1,8m3	3/5
04	27	06/10/2020	Nghị quyết về việc tổ chức Đại hội Đồng cổ đông bất thường 2020	3/5
05	34	24/10/2020	Quyết định về việc phê duyệt giá trị đầu tư mua mới xe ô tô chuyên dụng chở rác 1,8m3	3/5
06	40	18/11/2020	Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông bất thường năm 2020	5/5
07	46	18/11/2020	Nghị quyết về việc bầu CT.HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025	5/5
08	48	20/11/2020	Quyết định về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật Đỗ Tường Y nhiệm kỳ 2020-2025	5/5
09	53	22/11/2020	Nghị quyết bổ nhiệm giám đốc, phó giám đốc, trưởng phó phòng nhiệm kỳ 2020-2025	5/5
10	54	22/11/2020	Quyết định bổ nhiệm giám đốc, phó giám đốc, trưởng phó phòng nhiệm kỳ 2020-2025	5/5
11	60	23/11/2020	Quyết định về việc miễn nhiệm chức vụ kế toán trưởng kể từ ngày 23/11/2020	5/5





## BAN KIỂM SOÁT

### Danh sách Kiểm soát viên (nhiệm kỳ 2020 - 2025)

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Bà Nguyễn Thị Ngọc Trúc	Trưởng BKS	18/11/2020	
2	Bà Nguyễn Thị Diệu Hồng	Trưởng BKS		18/11/2020
3	Ông Lại Thanh Nhân	Kiểm soát viên		
4	Ông Võ Phước Toàn	Kiểm soát viên		

### Các cuộc họp Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ tham dự
1	Nguyễn Thị Diệu Hồng	Trưởng BKS	04	100%
2	Lại Thanh Nhân	Thành viên BKS	04	100%
3	Võ Phước Toàn	Thành viên BKS	04	100%
4	Nguyễn Thị Ngọc Trúc	Trưởng BKS	-	Cơ cấu mới

### Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông

Trong năm, BKS đã kiểm soát chặt chẽ các hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông bằng các công việc sau:

- Giám sát công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc đã đề ra đảm bảo thực hiện đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020. Qua đó BKS nhận thấy HĐQT và ban điều hành luôn tuân thủ theo Điều lệ, Quy chế quản trị và Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên. Thực hiện đầy đủ việc công bố thông tin theo luật định. Phối hợp với BKS thực hiện việc kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành SXKD theo đúng Luật doanh nghiệp, điều lệ và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Kết quả giám sát cho thấy chưa phát hiện trường hợp sai phạm.
- Xem xét tính phù hợp của các Nghị quyết HĐQT trong công tác quản lý điều hành đảm bảo tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật.
- Giám sát hoạt động kinh doanh và kiểm tra tình hình tài chính của Công ty năm 2020. Kiểm tra sổ sách, phần mềm kế toán, chuẩn mực kế toán,...
- Giám sát thực thi công tác công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch về tình hình và hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng quy định của Luật Chứng khoán. Qua đó tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư thực hiện tốt chức năng giám sát, kiểm soát các hoạt động của Công ty.
- BKS thống nhất với toàn bộ nội dung đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT được xác định trong Báo cáo tổng kết của HĐQT về kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và nhiệm vụ kế hoạch năm 2021.

### Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Trong năm 2019, BKS đã thực hiện việc giám sát, kiểm soát các hoạt động của TAP theo đúng Điều lệ của Công ty đồng thời đã thực hiện tốt việc phối hợp với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc xem xét tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài

chính và công tác quản lý công ty. Ở TAP, Ban Quản trị công ty luôn tạo điều kiện để BKS thực hiện tốt công việc kiểm tra, giám sát một cách công bằng và khách quan.



## Việc thực hiện các quy định về Quản trị Công ty

Năm 2020, Công ty Cổ phần Đô thị Tân An đã nỗ lực vận hành quản trị công ty theo các nguyên tắc, quy định đối với một công ty cổ phần đại chúng; tiến hành các thủ tục, các bước cho việc tổ chức ĐHĐCĐ đúng quy trình.

Công ty thực hiện nghiêm chỉnh Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, đảm bảo lợi ích cổ đông Công ty theo đúng chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ hoàn thành kế hoạch kinh doanh đề ra, đồng thời hoàn thiện hoạt động quản trị công ty cho phù hợp với Quy chế quản trị công ty đại chúng ban hành.

Mọi hoạt động của HĐQT, BKS, Ban Giám đốc và các cấp quản lý khác đều được báo cáo đầy đủ, tuân thủ Luật Doanh Nghiệp, Pháp luật hiện hành cũng như các Điều lệ quy định của SHP, đảm bảo tính công bằng, minh bạch, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.

Ngoài ra, vấn đề quản trị Công ty còn được ban lãnh đạo Công ty hết sức quan tâm, tạo điều kiện cho các thành viên trong ban điều hành được tham gia các chương trình đào tạo dài hạn và ngắn hạn nhằm nâng cao chất lượng quản trị Công ty. Đây sẽ là nền tảng giúp doanh nghiệp phát triển kinh doanh hiệu quả, giảm chi phí vốn cũng như tạo niềm tin cho các nhà đầu tư hiện hữu và thu hút khách hàng tiềm năng trong tương lai.



## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

### Lương, thưởng và các khoản lợi ích

Thành viên	Chức vụ	Ghi chú	Lương (đồng)	Thưởng, thù lao (đồng)
<b>Hội đồng Quản trị</b>				
Đỗ Tường Y	Chủ tịch	Bổ nhiệm từ 18/11/2020	65.246.493	8.701.000
Lương Minh Nhựt		Miễn nhiệm từ 18/11/2020	-	75.366.000
Đào Mạnh Hùng	Thành viên		-	33.804.000
Nguyễn Thị Hồng Vy	Thành viên		-	89.920.000
Nguyễn Thị Ngọc Trúc	Thành viên	Miễn nhiệm từ 18/11/2020	164.760.453	73.073.783
Phan Thanh Nhân	Thành viên	Bổ nhiệm 18/11/2020	16.988.338	5.042.000
Nguyễn Minh Nhựt	Thành viên		-	78.222.000
<b>Ban kiểm soát</b>				
Nguyễn Thị Ngọc Trúc	Trưởng Ban	Bổ nhiệm từ 18/11/2020	-	4.763.000
Võ Phước Toàn	Thành viên		100.972.750	44.962.000
Lại Thanh Nhân	Thành viên		125.976.659	47.239.000
<b>Ban điều hành</b>				
Nguyễn Thị Hồng Vy	Giám đốc		325.242.400	-
Nguyễn Minh Nhựt	Phó Giám đốc		232.194.140	-

### Giao dịch cổ phiếu của Cổ đông nội bộ

không có

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2020

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính kiểm toán 2020







**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT**

**Sao Viet Auditing Company Limited**

386/51 Lê Văn Sĩ, Phường 14, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh  
Tel : (84-028) 3526 1357 - 3526 1358 \* Fax : (84-028) 3526 1359 \* Email : svc-hcm@vnn.vn

Số: 99/2021/BCKT/SV-VP

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông

**Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đô thị Tân An (dưới đây gọi tắt là Công ty) được lập ngày 18 tháng 03 năm 2021 từ trang 05 đến trang 24 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đô thị Tân An tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phù nhận ý kiến kiểm toán nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh IV.9 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính về việc Công ty xác định quỹ tiền lương thực hiện năm 2020 theo số tạm tính là 15.963.776.265 đồng. Quỹ tiền lương năm 2020 của Công ty đang chờ phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt



**ĐINH TẤN TƯỜNG**  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán  
Số: 0175-2018-107-1

Kiểm toán viên

**PHẠM ĐÔNG SƠN**  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán  
Số: 1052-2018-107-1

**VĂN PHÒNG CHI NHÁNH TP.HCM**

366/7A Chu Văn An, Phường 12, Quận Bình Thạnh, TP.HCM  
Tel : (84-028) 3553 3730 - 3553 3731 \* Fax : (84-028) 3553 3732  
Email : saoviet1011@vnn.vn

**VĂN PHÒNG CHI NHÁNH CẦN THƠ**

Lô 66, Đường số 11, Khu dân cư công ty Cổ phần xây dựng TP.Cần Thơ,  
P.Hưng Thạnh, Q.Cái Răng, TP.Cần Thơ  
Tel : (0292) 3765 999 \* Fax: (0292) 3765 766 \* Email : svc-ct@vnn.vn



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày  
22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>24.498.741.445</b>	<b>29.149.418.735</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>16.574.931.368</b>	<b>15.133.232.407</b>
1. Tiền	111		11.574.931.368	9.133.232.407
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	6.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5.758.335.227</b>	<b>11.045.241.863</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	6.147.302.873	11.277.955.198
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	122.147.454	278.401.765
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.4	(511.115.100)	(511.115.100)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.803.266.463</b>	<b>2.956.522.381</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.5	1.803.266.463	2.956.522.381
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>362.208.387</b>	<b>14.422.084</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	23.162.348	14.422.084
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10	339.046.039	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>10.427.744.717</b>	<b>10.289.246.439</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>7.000.000</b>	<b>7.000.000</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216		7.000.000	7.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>7.695.260.555</b>	<b>8.849.459.859</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	7.695.260.555	8.849.459.859
- Nguyên giá	222		22.361.619.878	22.047.983.514
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(14.666.359.323)	(13.198.523.655)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.725.484.162</b>	<b>1.432.786.580</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	2.725.484.162	1.432.786.580
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>34.926.486.162</b>	<b>39.438.665.174</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày  
22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>9.398.538.834</b>	<b>12.997.239.930</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>8.659.538.834</b>	<b>12.073.239.930</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	6.951.657.696	6.873.078.804
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	30.000.000	173.539.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	389.218.431	1.311.188.327
4. Phải trả người lao động	314		560.692.204	2.806.510.010
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		450.682.000	603.947.622
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	119.008.896	75.404.342
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		158.279.607	229.571.825
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>739.000.000</b>	<b>924.000.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.8	739.000.000	924.000.000
<b>D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>25.527.947.328</b>	<b>26.441.425.244</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.12	<b>25.527.947.328</b>	<b>26.441.425.244</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		14.167.000.000	14.167.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		14.167.000.000	14.167.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.021.416.636	8.208.164.485
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.339.530.692	4.066.260.759
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		2.339.530.692	4.066.260.759
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>34.926.486.162</b>	<b>39.438.665.174</b>

TP. Tân An, ngày 18 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Giám đốc



Phan Thanh Nhân

Phan Thanh Nhân

Nguyễn Thị Hồng Vy



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	83.983.965.170	103.539.987.266
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		83.983.965.170	103.539.987.266
4. Giá vốn hàng bán	11		74.290.528.474	89.827.982.928
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.693.436.696	13.712.004.338
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	95.054.859	49.769.206
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		72.282.204	93.593.433
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.3	6.975.034.731	8.455.343.535
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.741.174.620	5.212.836.576
11. Thu nhập khác	31		24.333.347	141.936.903
12. Chi phí khác	32		29.132.967	173.230.522
13. Lợi nhuận khác	40		(4.799.620)	(31.293.619)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.736.375.000	5.181.542.957
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.4	396.844.308	1.115.282.198
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.339.530.692	4.066.260.759
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.5	1.404	2.440
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	VI.5	1.404	2.440

TP. Tân An, ngày 18 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Giám đốc



Phan Thanh Nhân

Phan Thanh Nhân

Nguyễn Thị Hồng Vy

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.736.375.000	5.181.542.957
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	V.7	1.467.835.668	1.484.031.923
- Các khoản dự phòng	03		-	4.899.700
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(95.054.859)	(49.769.206)
3. Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4.109.155.809	6.620.705.374
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		4.947.860.597	(1.022.331.374)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.153.255.918	1.779.170.081
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(3.187.934.282)	(991.827.968)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		(1.301.437.846)	609.360.898
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.10	(1.025.282.198)	(1.284.765.231)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(681.231.332)	(249.229.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.014.386.666	5.461.082.780
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(153.636.364)	(185.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		95.054.859	49.769.206
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(58.581.505)	(135.230.794)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.514.106.200)	(1.564.079.667)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.514.106.200)	(1.564.079.667)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1.441.698.961	3.761.772.319
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	15.133.232.407	11.371.460.088
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	16.574.931.368	15.133.232.407

TP. Tân An, ngày 18 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Giám đốc






Phan Thanh Nhân

Phan Thanh Nhân

Nguyễn Thị Hồng Vy

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09 - DN  
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đô Thị Tân An (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1100209487 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 11 năm 2009, thay đổi lần thứ 01 ngày 06 tháng 08 năm 2010, thay đổi lần thứ 02 ngày 14 tháng 10 năm 2013, thay đổi lần thứ 03 ngày 17 tháng 12 năm 2013, thay đổi lần thứ 04 ngày 25 tháng 03 năm 2015 và thay đổi lần thứ 06 ngày 30 tháng 11 năm 2020.

**2. Trụ sở chính đặt tại số 8, Tỉnh lộ 827, Phường 7, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An.**

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hoạt động của Công ty là:

- Thu gom, vận hành, xử lý rác thải đô thị và xử lý nước thải công nghiệp;
- Tư vấn thiết kế xây dựng dân dụng, chiếu sáng đô thị, công trình giao thông, công viên, cây xanh đô thị;
- Xây dựng, vận hành hệ thống: Cấp nước, thoát nước đô thị, công viên, cây xanh đô thị, chiếu sáng đô thị, đèn tín hiệu giao thông và điện trung hạ thế; Quản lý, duy tu và xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị;
- Mua, bán phân bón cây kiểng; Mua, bán công cụ làm vườn; Mua, bán và nhận ký gởi cây kiểng, hòn non bộ;
- Xử lý môi trường;
- Quản lý nghĩa trang nhân dân, dịch vụ tang lễ;
- Cho thuê mặt bằng, dịch vụ vui chơi, giải trí và kinh doanh nhà hàng, khách sạn;
- Dịch vụ chăm sóc cây cảnh sân vườn;
- Dịch vụ dọn dẹp vệ sinh, lắp đặt, sửa chữa hệ thống điện, nước hộ gia đình, cơ quan, doanh nghiệp;
- Kinh doanh xăng dầu.

**I. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).**

**II. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.



## 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

## 3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán là sổ nhật ký chung.

## III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, được soạn lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

### 2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

**Tiền :** Bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

**Tương đương tiền:** Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nợ phải thu là các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán hoặc phải thu các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính, và được phân loại:

- Có thời hạn thu hồi không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi từ 12 tháng trở lên kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đúng hạn hoặc không có khả năng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, và được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

## 5. Các chính sách đối với hàng tồn kho

### Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

### Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

### Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

## 6. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

### Nguyên tắc ghi nhận giá trị tài sản cố định hữu hình

Giá trị ban đầu của tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

### Phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính được áp dụng theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao của một số nhóm tài sản cụ thể như sau.

Loại tài sản cố định	Năm khấu hao
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 40 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	10 năm

## 7. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp, và được phân bổ theo



đường thẳng trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

#### 8. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa, và được phân loại khi lập Báo cáo tài chính, cụ thể:

- Có thời hạn thanh toán dưới không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Nợ dài hạn.

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng nếu Công ty có bằng chứng đáng tin cậy về chi phí ước tính phải chịu trong tương lai thì được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí, nhằm giảm sự gia tăng chi phí đột biến khi chi phí phát sinh thực tế. Chênh lệch (nếu có) giữa chi phí phát sinh thực tế với số đã trích, sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh năm phát sinh chi phí thực tế.

#### 9. Quỹ tiền lương thực hiện

Công ty xác định quỹ tiền lương thực hiện năm 2020 theo số tạm tính là 15.963.776.265 đồng. Quỹ tiền lương năm 2020 của Công ty đang chờ phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An.

#### 10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi trích lập các quỹ theo quy định của Điều lệ công ty cũng như các quy định pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Điều lệ Công ty năm 2018 quy định Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề sau: “Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng Quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.”

#### 11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

**Doanh thu bán hàng** được ghi nhận thỏa mãn các nguyên tắc sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Cổ tức, lợi nhuận được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc đã thực thu tiền.

#### 12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm số thuế phải trả hiện tại và số thuế thu nhập hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất trong năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh do điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế hay các chi phí không được khấu trừ. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Năm 2020, Công ty được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp theo quy định của Nghị quyết 116/2020/QH14.

Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ khác nhau có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### 13. Các bên liên quan

Các bên có liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con - các cá nhân, trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Chi nhánh hoặc chịu sự kiểm soát của Chi nhánh, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Chi nhánh. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Chi nhánh mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Chi nhánh, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Chi nhánh, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Chi nhánh liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.



Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	203.405.590	699.362.010
Tiền gửi ngân hàng	11.371.525.778	8.433.870.397
Các khoản tương đương tiền	5.000.000.000 (*)	6.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>16.574.931.368</b>	<b>15.133.232.407</b>

(\*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Long An.

##### 2. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bệnh viện Đa khoa Long An	-	170.164.030
Công ty Cổ phần Đồng Tâm	250.000.000	250.000.000
Phòng Quản lý Đô thị Thành phố Tân An	3.648.890.750	6.914.448.750
Công ty TNHH Xây dựng TM Việt Thành Phát	-	219.500.000
Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện Tân Trụ	1.023.159.642	1.994.685.643
Khách hàng khác	1.225.252.481	1.729.156.775
<b>Cộng</b>	<b>6.147.302.873</b>	<b>11.277.955.198</b>

##### 3. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	122.147.454	278.104.765
Phải thu khác	-	297.000
<b>Cộng</b>	<b>122.147.454</b>	<b>278.401.765</b>

##### 4. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	511.115.100	506.215.400
Số trích lập	-	108.667.500
Số hoàn nhập	-	(103.767.800)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>511.115.100</b>	<b>511.115.100</b>

##### 5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	601.728.736	750.025.286
Công cụ, dụng cụ	231.017.546	267.064.511
Hàng hóa	967.293.971,0	1.939.432.584
Hàng gửi đi bán	3.226.210	-
<b>Cộng</b>	<b>1.803.266.463</b>	<b>2.956.522.381</b>

##### 6. Chi phí trả trước

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ trong năm	Số cuối năm
Chi phí trả trước ngắn hạn	14.422.084	34.530.000	25.789.736	23.162.348
Chi phí trả trước dài hạn	1.432.786.580	2.475.698.131	1.183.000.549	2.725.484.162
<b>Cộng</b>	<b>1.447.208.664</b>	<b>2.510.228.131</b>	<b>1.208.790.285</b>	<b>2.748.646.510</b>

##### 7. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	2.901.444.722	19.113.768.591	32.770.201	22.047.983.514
Mua sắm		313.636.364		313.636.364
Giảm thanh lý				
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.901.444.722</b>	<b>19.427.404.955</b>	<b>32.770.201</b>	<b>22.361.619.878</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số đầu năm	665.418.011	12.503.201.469	29.904.175	13.198.523.655
Khấu hao trong năm	110.257.352	1.355.393.636	2.184.680	1.467.835.668
Giảm trong năm				
<b>Số cuối năm</b>	<b>775.675.363</b>	<b>13.858.595.105</b>	<b>32.088.855</b>	<b>14.666.359.323</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	2.236.026.711	6.610.567.122	2.866.026	8.849.459.859
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.125.769.359</b>	<b>5.568.809.850</b>	<b>681.346</b>	<b>7.695.260.555</b>

Nguyên giá tài sản hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 5.559.832.227 đồng.

##### 8. Phải trả người bán ngắn hạn và dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>6.951.657.696</b>	<b>6.873.078.804</b>
Doanh nghiệp tư nhân Huỳnh Hiệp	90.000	616.565.000
Phòng tài chính Thành phố Tân An	185.000.000 (*)	185.000.000
Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật Đồng Phương	-	210.285.328
Công ty CP ĐT PT Tâm Sinh Nghĩa	4.789.240.000	4.660.816.000
Các nhà cung cấp khác	1.977.327.696	1.200.412.476
<b>Phải trả người bán dài hạn</b>	<b>739.000.000</b>	<b>924.000.000</b>
Phòng tài chính Thành phố Tân An	739.000.000 (*)	924.000.000
<b>Cộng</b>	<b>7.690.657.696</b>	<b>7.797.078.804</b>

(\*) Là khoản phải trả tiền mua xe trả chậm của Phòng Tài chính Thành phố Tân An.



## 9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH TM DV Quảng cáo Tây Nam Bộ	-	163.539.000
Dowasen – Chi nhánh Dịch vụ Môi trường	30.000.000	-
Các khách hàng khác	-	10.000.000
<b>Cộng</b>	<b>30.000.000</b>	<b>173.539.000</b>

## 10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Phải nộp	Đã nộp	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	1.021.796.476	2.943.409.744	3.575.987.789	389.218.431
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	289.391.851	396.844.308	1.025.282.198	(339.046.039)
Thuế thu nhập cá nhân	-	282.633.727	282.633.727	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.311.188.327</b>	<b>3.625.887.779</b>	<b>4.886.903.714</b>	<b>50.172.392</b>

Các khoản thuế nộp thừa được trình bày trên chỉ tiêu « Thuế và các khoản phải thu Nhà nước » trên bảng cân đối kế toán.

## 11. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thu hộ đất nghĩa trang	74.000.000	74.000.000
Cổ tức phải trả	402.116	894.822
Khác	44.606.780	509.520
<b>Cộng</b>	<b>119.008.896</b>	<b>75.404.342</b>

## 12. Vốn chủ sở hữu

## a/ Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	14.167.000.000	7.349.687.352	7.389.518.343	28.906.205.695
Tăng trong năm	-	858.477.133	4.066.260.759	4.924.737.892
Giảm trong năm	-	-	7.389.518.343	7.389.518.343
Số dư cuối năm trước	14.167.000.000	8.208.164.485	4.066.260.759	26.441.425.244
Số dư đầu năm nay	14.167.000.000	8.208.164.485	4.066.260.759	26.441.425.244
Tăng trong năm	-	813.252.151	2.339.530.692	3.152.782.843
Giảm trong năm	-	-	4.066.260.759	4.066.260.759
Số dư cuối năm nay	14.167.000.000	9.021.416.636	2.339.530.692	25.527.947.328

## b/ Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị
Vốn góp của Nhà nước	60,00%	8.500.200.000	60,00%	8.500.200.000
Cổ đông khác	40,00%	5.666.800.000	40,00%	5.666.800.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>14.167.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>14.167.000.000</b>

## c/ Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.416.700	1.416.700
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.416.700	1.416.700
+ Cổ phiếu phổ thông	1.416.700	1.416.700
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.416.700	1.416.700
+ Cổ phiếu phổ thông	1.416.700	1.416.700
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

## 1. Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Dịch vụ xây dựng	440.952.727	4.621.340.001
Dịch vụ công ích	31.680.586.394	40.004.391.995
Doanh thu xăng dầu	29.148.323.012	37.831.339.986
Doanh thu phí rác sinh hoạt	17.421.854.317	17.481.436.124
Khác	5.292.248.720	3.601.479.160
<b>Cộng</b>	<b>83.983.965.170</b>	<b>103.539.987.266</b>

## 2. Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng.

## 3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	3.372.493.656	4.765.634.762
Chi phí vật liệu quản lý	33.111.553	112.817.207
Chi phí đồ dùng văn phòng	52.476.427	68.955.456
Chi phí khấu hao tài sản cố định	112.442.032	112.442.032
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	-	4.899.700
Chi phí dịch vụ mua ngoài	122.438.740	145.800.794
Chi phí bằng tiền khác	3.279.072.323	3.241.793.584
<b>Cộng</b>	<b>6.975.034.731</b>	<b>8.455.343.535</b>

## 4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.736.375.000	5.181.542.957
Các khoản điều chỉnh để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng	98.227.200	394.868.034
- Các khoản chi phí không được trừ	98.227.200	394.868.034
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Các khoản chi mang tính phúc lợi được trừ	-	-



	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>2.834.602.200</b>	<b>5.576.410.991</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh trong năm</b>	<b>566.920.440</b>	<b>1.115.282.198</b>
<b>Giảm 30% thuế phải nộp theo NQ116</b>	<b>(170.076.132)</b>	<b>-</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>396.844.308</b>	<b>1.115.282.198</b>
<b>5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>		
	Năm nay	Năm trước
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>2.339.530.692</b>	<b>4.066.260.759</b>
Các khoản điều chỉnh tăng		
Các khoản điều chỉnh giảm (*)	350.929.605	609.939.114
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>1.988.601.087</b>	<b>3.456.321.645</b>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.416.700	1.416.700
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.404</b>	<b>2.440</b>
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm		
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.404</b>	<b>2.440</b>

(\*) Bao gồm phần lợi nhuận sau thuế phân phối cho các bên không phải Cổ đông của Công ty và phần lợi nhuận sau thuế trích vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 chưa được phân phối, do vậy, khoản điều chỉnh giảm kỳ này được xác định trên cơ sở tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo tỷ lệ năm trước.

## VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán.

## 2. Thông tin về các bên có liên quan

### 2.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan đến các thành viên chủ chốt

Trong năm 2020 Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên chủ chốt khác.

Thu nhập của các thành viên chủ chốt, chi tiết gồm:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.031.381.233	1.030.318.176
Thù lao, thưởng khác	270.696.405	286.022.200
<b>Cộng</b>	<b>1.302.077.638</b>	<b>1.316.340.376</b>

### 2.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác: Không phát sinh giao dịch với các bên liên quan.

## 3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và địa lý. Báo cáo bộ phận chủ yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu:

- Dịch vụ công ích đô thị;
- Xây dựng công trình giao thông, công viên, hệ thống cấp thoát nước đô thị.

Các chỉ tiêu	Kinh doanh xăng dầu	Dịch vụ xây dựng	Dịch vụ công ích	Xử lý rác	Hoạt động khác	Cộng
<b>Năm nay</b>						
Doanh thu thuần	29.148.323.012	440.952.727	31.680.586.394	17.421.854.317	5.292.248.720	83.983.965.170
Giá vốn	27.758.432.555	331.995.632	27.276.499.486	15.472.293.484	3.451.307.317	74.290.528.474
Lãi gộp	1.389.890.457	108.957.095	4.404.086.908	1.949.560.833	1.840.941.403	9.693.436.696
<b>Năm trước</b>						
Doanh thu thuần	37.831.339.986	4.621.340.001	40.004.391.995	17.481.436.124	3.601.479.160	103.539.987.266
Giá vốn	37.355.460.898	3.273.801.173	31.445.033.447	15.815.018.424	1.938.668.986	89.827.982.928
Lãi gộp	475.879.088	1.347.538.828	8.559.358.548	1.666.417.700	1.662.810.174	13.712.004.338

## 4. Quản lý rủi ro tài chính

### Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi



Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

##### Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên văn phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

##### Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại ngân hàng trong nước. Ban Giám đốc Công ty không nhận thấy rủi ro tín dụng nào từ các khoản tiền gửi ngân hàng.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
<b>Số cuối năm</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.574.931.368	-	-	-	16.574.931.368
Phải thu khách hàng	6.147.302.873	-	-	-	6.147.302.873
Phải thu ngắn hạn khác	122.147.454	-	-	-	122.147.454
<b>Cộng</b>	<b>22.844.381.695</b>	-	-	-	<b>22.844.381.695</b>
<b>Số đầu năm</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.133.232.407	-	-	-	15.133.232.407
Phải thu khách hàng	11.277.955.198	-	-	-	11.277.955.198
Phải thu ngắn hạn khác	278.401.765	-	-	-	278.401.765
<b>Cộng</b>	<b>26.689.589.370</b>	-	-	-	<b>26.689.589.370</b>

#### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của các luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phát sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Phải trả người bán	6.951.657.696	555.000.000	184.000.000	7.690.657.696
Các khoản phải trả khác	119.008.896	-	-	119.008.896
<b>Cộng</b>		<b>555.000.000</b>	<b>184.000.000</b>	<b>7.809.666.592</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả người bán	6.873.078.804	740.000.000	184.000.000	7.797.078.804
Các khoản phải trả khác	75.404.342	-	-	75.404.342
<b>Cộng</b>	<b>6.948.483.146</b>	<b>740.000.000</b>	<b>184.000.000</b>	<b>7.872.483.146</b>

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là vừa phải. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn

#### Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: Rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

#### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn có lãi suất thả nổi.



Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do không phát sinh các khoản vay và tiền gửi ngân hàng có lãi suất cố định trong thời gian gửi.

#### Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

### 5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

#### Tài sản tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.574.931.368		15.133.232.407		16.574.931.368	15.133.232.407
Phải thu khách hàng	6.147.302.873	(511.115.100)	11.277.955.198	(511.115.100)	5.636.187.773	10.766.840.098
Phải thu ngắn hạn khác	122.147.454		278.401.765		122.147.454	278.401.765
<b>Cộng</b>	<b>22.844.381.695</b>	<b>(511.115.100)</b>	<b>26.689.589.370</b>	<b>(511.115.100)</b>	<b>22.333.266.595</b>	<b>26.178.474.270</b>

#### Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	7.690.657.696	7.797.078.804	7.690.657.696	7.797.078.804
Các khoản phải trả khác	119.008.896	75.404.342	119.008.896	75.404.342
<b>Cộng</b>	<b>7.809.666.592</b>	<b>7.872.483.146</b>	<b>7.809.666.592</b>	<b>7.872.483.146</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

### 6. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Công ty không có sự kiện đáng chú ý nào xảy ra kể từ ngày lập báo cáo tài chính này có thể làm sai lệch các số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính của Công ty.

TP. Tân An, ngày 18 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Phan Thanh Nhân

Phụ trách kế toán

Phan Thanh Nhân

Giám đốc



Nguyễn Thị Hồng Vy





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN**

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**



**Đỗ Tường Y**